

*Tài liệu được biên soạn bởi Cô Thu Trang
Giáo viên trường THPT Tạ Uyên- Yên Mô- Ninh Bình*

Tài liệu 1 :

LÍ THUYẾT NGHỊ LUẬN XÃ HỘI

LÍ THUYẾT ĐỌC HIỂU VĂN BẢN

NGHỊ LUẬN VỀ TƯ TƯỞNG ĐẠO LÍ

1. KHÁI QUÁT

Nghị luận về một tư tưởng đạo lí có thể đề cập đến các vấn đề của đời sống xã hội như : đạo đức, tư tưởng, văn hoá, nhân sinh quan, thế giới quan,...

Có thể khái quát một số vấn đề thường được đưa vào đề thi như: Về nhận thức (lí tưởng , mục đích sống); Về tâm hồn,tính cách, phẩm chất(lòng nhân ái, vị tha, độ lượng..., tính trung thực ,dũng cảm ,chăm chỉ , cần cù, ...; Về quan hệ gia đình, quan hệ xã hội : Tình mẫu tử , tình anh em, tình thầy trò , tình bạn, tình đồng bào...; Về lối sống, quan niệm sống,...

Đề bài nghị luận về một tư tưởng đạo lí khá đa dạng: Có thể nêu rõ yêu cầu nghị luận , có thể chỉ đưa ra vấn đề nghị luận mà không đưa ra yêu cầu cụ thể nào, có đề nêu trực tiếp vấn đề nghị luận, có đề gián tiếp đưa ra vấn đề nghị luận qua một câu danh ngôn , một câu ngạn ngữ , một câu chuyện... Vì vậy học sinh cần nắm chắc kĩ năng làm bài.

Các thao tác lập luận cơ bản thường được sử dụng trong kiểu bài này là : Sử dụng thao tác lập luận giải thích để làm rõ ý nghĩa vấn đề, các nghĩa tường minh, hàm ẩn (nếu có); sử dụng thao tác lập luận phân tích để chia tách vấn đề thành nhiều khía cạnh , nhiều mặt , chỉ ra các biểu hiện cụ thể của vấn đề ; sử dụng thao tác lập luận chứng minh để làm sáng tỏ vấn đề. Dẫn chứng lấy từ thực tế ,có thể lấy trong thơ văn nhưng không cần nhiều (tránh lạc sang nghị luận văn học); sử dụng thao tác lập luận so sánh , bình luận , bác bỏ để đối chiếu với các vấn đề khác cùng hướng hoặc ngược hướng , phủ định cách hiểu sai lệch , bàn bạc tìm ra phương hướng...

<http://thutrang.edu.vn>

Tiếp sức mùa thi môn Ngữ văn

Tài liệu được biên soạn bởi Cô Thu Trang
Giáo viên trường THPT Tạ Uyên- Yên Mô- Ninh Bình

Các bước cơ bản.

Bước 1 : Giải thích tư tưởng , đạo lí.

Đầu tiên, cần giải thích những từ trọng tâm, sau đó giải thích cả câu nói: giải thích các từ ngữ, thuật ngữ, khái niệm, nghĩa đen, nghĩa bóng (nếu có); rút ra ý nghĩa chung của tư tưởng, đạo lý; quan điểm của tác giả qua câu nói (thường dành cho đề bài có tư tưởng, đạo lý được thể hiện gián tiếp qua câu danh ngôn, tục ngữ, ngạn ngữ...).

Thường trả lời câu hỏi : *Là gì? Như thế nào? Biểu hiện cụ thể?*

Bước 2 : Bàn luận

– Phân tích và chứng minh các mặt đúng của tư tưởng, đạo lý (thường trả lời câu hỏi *tại sao nói như thế?* Dùng dẫn chứng cuộc sống xã hội để chứng minh. Từ đó chỉ ra tầm quan trọng, tác dụng của tư tưởng, đạo lý đối với đời sống xã hội).

-Bác bỏ (phê phán) những biểu hiện sai lệch có liên quan đến vấn đề : bác bỏ những biểu hiện sai lệch có liên quan đến tư tưởng, đạo lý vì có những tư tưởng, đạo lý đúng trong thời đại này nhưng còn hạn chế trong thời đại khác, đúng trong hoàn cảnh này nhưng chưa thích hợp trong hoàn cảnh khác; dẫn chứng minh họa

Bước 3: Mở rộng.

-Mở rộng bằng cách giải thích và chứng minh.

-Mở rộng bằng cách đào sâu thêm vấn đề.

-Mở rộng bằng cách lật ngược vấn đề.

Người tham gia nghị luận đưa ra mặt trái của vấn đề, phủ nhận nó là công nhận cái đúng, ngược lại ,nếu vấn đề bình luận là sai hãy lật ngược bằng cách đưa ra vấn đề đúng, bảo vệ cái đúng cũng có nghĩa là phủ định cái sai.

Trong các bước mở rộng ,tuỳ vào từng trường hợp và khả năng của mình mà áp dụng cho tốt ,không nên cứng nhắc.

<http://thutrang.edu.vn>

Tiếp sức mùa thi môn Ngữ văn

Tài liệu được biên soạn bởi Cô Thu Trang
Giáo viên trường THPT Tạ Uyên- Yên Mô- Ninh Bình

Bước 4 : Nêu ý nghĩa ,rút ra bài học nhận thức và hành động.

Đây là vấn đề cơ bản của một bài nghị luận bởi mục đích của việc nghị luận là rút ra những kết luận đúng để thuyết phục người đọc áp dụng vào thực tiễn đời sống.

2. KĨ NĂNG PHÂN TÍCH ĐỀ

Phân tích đề là chỉ ra những yêu cầu về nội dung, thao tác lập luận và phạm vi dẫn chứng của đề. Đây là bước đặc biệt quan trọng trong làm văn nghị luận xã hội.

Các bước phân tích đề : Đọc kĩ đề bài ,gạch chân các từ then chốt (những từ chứa đựng ý nghĩa của đề), chú ý các yêu cầu của đề (nếu có), xác định yêu cầu của đề (Tìm hiểu nội dung của đề, tìm hiểu hình thức và phạm vi tư liệu cần sử dụng).

Cần trả lời các câu hỏi sau:

- Đây là dạng đề nào?
- Đề đặt ra vấn đề gì cần giải quyết?

Có thể viết lại rõ ràng luận đề ra giấy.

Có 2 dạng đề:

- Đề nổi, học sinh dễ dàng nhận ra và gạch dưới luận đề trong đề bài.
- Đề chìm, học sinh cần đọc kĩ đề bài, dựa vào ý nghĩa câu nói, câu chuyện , văn bản được trích dẫn mà xác định luận đề.

Ví dụ minh họa:

Dạng đề trong đó tư tưởng đạo lí được nói đến một cách trực tiếp.

Ví dụ : bàn về sự tự tin, lòng tự trọng của con người trong cuộc sống, tinh thần tự hào dân tộc ...

Dạng đề trong đó tư tưởng đạo lí được nói tới một cách gián tiếp.

Ví dụ 1:

Đề bài : “ Sự mạng của người mẹ không phải là làm chỗ dựa cho con cái mà là làm cho chỗ dựa ấy trở nên không cần thiết” (B.Babbles)

Hãy trình bày suy nghĩ của anh/ chị về ý kiến trên

<http://thutrang.edu.vn>

Tiếp sức mùa thi môn Ngữ văn

Tài liệu được biên soạn bởi Cô Thu Trang
Giáo viên trường THPT Tạ Uyên- Yên Mô- Ninh Bình

Hướng dẫn phân tích đề : Ý kiến trên có các từ khoá trọng tâm cần giải thích :

- “Sứ mạng” : Vai trò lớn lao, cao cả của cha mẹ trong việc nuôi dạy con cái.
- “Người mẹ”: Người sinh ra con cái , rộng hơn đó chính là mái ấm gia đình.
- “ Chỗ dựa cho con cái”: nơi che chở , yêu thương , là nơi con cái có thể nương tựa.

Câu nói đã đưa ra quan điểm giáo dục của cha mẹ với con cái hết sức thuyết phục : Vai trò của cha mẹ không chỉ nằm trong việc dạy dỗ con mà quan trọng hơn là làm sao để con cái biết sống chủ động , tích cực , không dựa dẫm. Đây chính là vấn đề nghị luận.

Ví dụ 2.

Đề bài.

Chiếc bình nứt.

Một người có hai chiếc bình lớn để chuyển nước. Một trong hai chiếc bình bị nứt nên khi gánh từ giếng về , nước trong bình chỉ còn một nửa. chiếc bình lành rất hãnh diện về sự hoàn hảo của mình, còn chiếc bình nứt luôn dằn vặt , cắn rứt vì không hoàn thành nhiệm vụ. Một hôm chiếc bình nứt nói với ông chủ : “ Tôi thực sự thấy xấu hổ về mình ... Tôi muốn xin lỗi ông... Chỉ vì tôi bị nứt mà ông không nhận được đầy đủ những gì xứng đáng với công sức mà ông bỏ ra.” “ Không đâu – ông chủ trả lời – khi đi về người có chú ý tới những luống hoa bên đường không ? Người không thấy hoa chỉ mọc bên này đường phía đường của nhà người sao ? Ta đã biết được vết nứt của nhà người nên đã gieo hạt giống hoa bên ấy. Trong những năm qua , ta đã vun xới cho chúng và hái chúng về để trang hoàng căn nhà. Nếu không có người nnhaf ta có ẩm cúng và duyên dáng như thế này không?”.

Cuộc sống của mỗi chúng ta đều có thể như chiếc bình nứt.

Anh(Chị) có đồng ý với câu kết của văn bản trên không?

<http://thutrang.edu.vn>

Tiếp sức mùa thi môn Ngữ văn

Tài liệu được biên soạn bởi Cô Thu Trang
Giáo viên trường THPT Tạ Uyên- Yên Mô- Ninh Bình

Hướng dẫn : Người viết cần đọc kĩ câu chuyện, giải thích ý nghĩa biểu tượng của các hình ảnh để rút ra vấn đề nghị luận.

Giải thích : “ vết nứt ”: tượng trưng cho những gì khiếm khuyết , không trọn vẹn trong bản thân mỗi con người.

Vấn đề nghị luận : Mỗi chúng ta – dù không hoàn hảo như chiếc bình lành nhưng , ai cũng có giá trị riêng , những đóng góp riêng cho xã hội. Điều đó làm nên sự khác nhau của mỗi người trong cuộc đời.

3. KĨ NĂNG XÁC ĐỊNH LUẬN ĐIỂM, TRIỂN KHAI LUẬN CỨ

Học sinh cần dựa vào dàn ý chung của kiểu bài nghị luận về tư tưởng đạo lí để xác định các luận điểm cho bài viết. Thông thường, bài văn nghị luận về tư tưởng đạo lí sẽ có những luận điểm chính sau:

Luận điểm 1: Giải thích tư tưởng đạo lí

Luận điểm 2 : Bình luận, chứng minh tư tưởng đạo lí, phê phán những biểu hiện sai lệch liên quan đến vấn đề

Luận điểm 3 : Bài học rút ra

Để thuyết minh cho luận điểm lớn, người ta thường đề xuất các luận điểm nhỏ. Một bài văn có thể có nhiều luận điểm lớn, mỗi luận điểm lớn lại được cụ thể hoá bằng nhiều luận điểm nhỏ hơn. Tùy vào từng đề bài , học sinh có thể triển khai những luận điểm nhỏ hơn.

Ví dụ minh họa :

Đề bài :

“Chặng đường nào trải bước trên hoa hồng. Bàn chân cũng thấm đau vì những mũi gai. Đường vinh quang đi qua muôn ngàn sóng gió”.

(Trích Đường đến ngày vinh quang – nhạc sĩ, ca sĩ Trần Lập)

Anh (chị) hãy viết một bài văn (khoảng 600 chữ) trình bày suy nghĩ của mình về nhận định trên

Bài văn trên có những luận điểm sau :

<http://thutrang.edu.vn>

Tiếp sức mùa thi môn Ngữ văn

Tài liệu được biên soạn bởi Cô Thu Trang
Giáo viên trường THPT Tạ Uyên- Yên Mô- Ninh Bình

Luận điểm 1 :Giải thích ý nghĩa thông điệp của tác giả. Tác giả muốn khẳng định chân lí: Muốn có hạnh phúc và thành công trên đường vinh quang mỗi người bắt buộc phải biết “ chịu đau’ khi gặp những” mũi gai” và “ đi qua muôn ngàn sóng gió”.

Luận điểm 2 : Bàn luận

Vì sao tác giả khẳng định như thế ? Lấy dẫn chứng để chứng minh vấn đề

Luận điểm 3 : Nêu bài học rút ra : để thành công trong cuộc sống, mỗi người chúng ta cần suy nghĩ và hành động như thế nào?

Khi xây dựng lập luận, điều quan trọng nhất là phải tìm cho được các luận cứ có sức thuyết phục cao.Luận cứ là những ý nhỏ, triển khai cho luận điểm. Luận cứ có thể là dẫn chứng, lí lẽ làm sáng tỏ cho luận điểm. Luận cứ phải đảm bảo những yêu cầu cơ bản sau:

- + Trước hết, luận cứ phải phù hợp với yêu cầu khẳng định của luận điểm. Nội dung của luận cứ phải thống nhất với nội dung của luận điểm.
 - + Thứ hai, luận cứ phải xác thực, tức là nó phải đúng đắn. Khi nêu luận cứ, người viết cần biết chính xác về nguồn gốc, các số liệu, các sự kiện, tiểu sử nhân vật,... Biết không chắc chắn thì chưa vội sử dụng. Tuyệt đối không được bịa đặt luận cứ.
 - + Thứ ba, luận cứ phải tiêu biểu.
 - +Thứ tư, luận cứ phải vừa đủ, đáp ứng yêu cầu chứng minh toàn diện cho luận điểm.
- Học sinh cần trích dẫn chính xác. Nhớ nguyên văn thì đặt trong ngoặc kép, nhớ đại ý thì chuyển thành lời gián tiếp.

Tài liệu được biên soạn bởi Cô Thu Trang
Giáo viên trường THPT Tạ Uyên- Yên Mô- Ninh Bình

NGHỊ LUẬN VỀ HIỆN TƯỢNG ĐỜI SỐNG

1. KHÁI QUÁT

Để làm bài văn nghị luận đạt điểm cao, trước hết học sinh cần nhận diện rõ đề thuộc kiểu bài nào để có cách làm bài phù hợp. Kiểu bài nghị luận về hiện tượng đời sống thường đề cập đến những vấn đề của đời sống xã hội, những hiện tượng nổi bật, tạo được sự chú ý và có tác động đến đời sống con người, những vấn đề chính trị, tư tưởng, văn hoá, đạo đức,...

Yêu cầu của kiểu bài này là học sinh cần làm rõ hiện tượng đời sống (qua việc miêu tả, phân tích nguyên nhân, các khía cạnh của hiện tượng...) từ đó thể hiện thái độ đánh giá của bản thân cũng như đề xuất ý kiến, giải pháp trước hiện tượng đời sống. Học sinh cần có cách viết linh hoạt theo yêu cầu của đề bài, tránh làm bài máy móc hoặc chung chung. Ngoài việc trang bị cho mình những kỹ năng làm bài, học sinh cần tích lũy những vốn hiểu biết thực tế về đời sống xã hội. Thời gian gần đây, đề Nghị luận xã hội thường đề cập đến những vấn đề thời sự nổi bật trong năm, Ví dụ :

+ Vấn đề vệ sinh an toàn thực phẩm
+ Ô nhiễm môi trường, sự nóng lên của trái đất, nạn phá rừng, thiên tai lũ lụt...

+ Bạo hành gia đình, bạo lực học đường, tai nạn giao thông...

+ Tiêu cực trong thi cử, bệnh thành tích trong giáo dục, hiện tượng chảy máu chất xám...

+ Phong trào tiếp sức mùa thi, giúp đỡ đồng bào lũ lụt, tấm gương người tốt, việc tốt, nếp sống đẹp...

Các bước làm bài :

Bước 1: Miêu tả hiện tượng được đề cập đến trong bài.

+ Giải thích (nếu trong đề bài có khái niệm, thuật ngữ hoặc các ẩn dụ, hoán dụ, so sánh...) cần làm rõ để đưa ra vấn đề bàn luận.

Ví dụ : *giải thích thế nào là ô nhiễm môi trường? thế nào là bệnh vô cảm?...*

<http://thutrang.edu.vn>

Tiếp sức mùa thi môn Ngữ văn

Tài liệu được biên soạn bởi Cô Thu Trang
Giáo viên trường THPT Tạ Uyên- Yên Mô- Ninh Bình

+ Chỉ ra thực trạng (biểu hiện của thực trạng)

Bước 2: Phân tích tác hại, các mặt đúng – sai, lợi – hại của vấn đề.

- Phân tích tác dụng của vấn đề nếu là hiện tượng tích cực.
- Phân tích tác hại của vấn đề nếu là hiện tượng tiêu cực.
- Phân tích cả hai mặt tích cực và hạn chế nếu đề có cả hai mặt.

Tác hại :

- Đối với mỗi cá nhân (ảnh hưởng sức khỏe, kinh tế, danh dự, hạnh phúc gia đình, ảnh hưởng tâm lí....)
- Đối với cộng đồng, xã hội
- Đối với môi trường
- ...

Bước 3: Chỉ ra nguyên nhân (khách quan và chủ quan)

- Khách quan : Do môi trường xung quanh, do trào lưu, do gia đình, nhà trường, do các nhân tố bên ngoài tác động,...
- Chủ quan: Do ý thức , tâm lí, tính cách,của mỗi người

Bước 4: Bày tỏ thái độ, ý kiến đánh giá của người viết về hiện tượng., Giải pháp khắc phục hiện tượng tiêu cực, phát huy hiện tượng tích cực

Gải pháp : Thông thường mỗi hiện tượng đều xuất phát từ những nguyên nhân cụ thể, nguyên nhân nào thì đi kèm với giải pháp ấy.

Nêu bài học rút ra cho bản thân : Bài học nhận thức và hành động

2. KĨ NĂNG PHÂN TÍCH ĐỀ

Xác định ba yêu cầu:

+ Yêu cầu về nội dung: Hiện tượng cần bàn luận là hiện tượng nào ? Đó là hiện tượng tốt đẹp, tích cực trong đời sống hay hiện tượng mang tính chất tiêu cực, đang bị xã hội lên án, phê phán ? Có bao nhiêu ý cần triển khai trong bài viết ? Mối quan hệ giữa các ý như thế nào?

<http://thutrang.edu.vn>

Tiếp sức mùa thi môn Ngữ văn

Tài liệu được biên soạn bởi Cô Thu Trang
Giáo viên trường THPT Tạ Uyên- Yên Mô- Ninh Bình

+ Yêu cầu về phương pháp : Các thao tác nghị luận chính cần sử dụng ? Giải thích, chứng minh, bình luận, phân tích, bác bỏ, so sánh,...

+ Yêu cầu về phạm vi dẫn chứng: Bài viết có thể lấy dẫn chứng trong văn học, trong đời sống thực tiễn (chủ yếu là đời sống thực tiễn).

Ví dụ minh họa:

Tính đến nay, đã có 12 tỉnh công bố tình trạng thiên tai hạn hán, xâm nhập mặn, trong đó có mười tỉnh thuộc nam Trung Bộ và đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL) là Bình Thuận, Ninh Thuận, Tiền Giang, Bến Tre, Kiên Giang, Sóc Trăng, Long An, Cà Mau, Vĩnh Long, Trà Vinh và hai tỉnh Tây Nguyên là Gia Lai và Kon Tum. Dự báo, thiên tai sẽ gây ảnh hưởng trực tiếp, nghiêm trọng đến sản xuất nông nghiệp, hàng trăm nghìn hộ dân có thể sẽ bị đói do mất nguồn lương thực. (Theo báo Nhân dân điện tử ngày 25.3.2016)

Từ thông tin trên, anh/chị hãy viết một bài luận khoảng 400 từ trình bày suy nghĩ của mình về hiện tượng biến đổi khí hậu nghiêm trọng đang diễn ra ở nước ta hiện nay”.

Hướng dẫn tìm hiểu đề:

+ Vấn đề nghị luận : Hiện tượng biến đổi khí hậu nghiêm trọng đang diễn ra ở nước ta hiện nay. Đây là hiện tượng mang tính tiêu cực, ảnh hưởng xấu tới đời sống của con người. Bài viết cần đảm bảo cấu trúc 4 phần chính : Thực trạng- Nguyên nhân- Tác hại- Giải pháp và bài học.

+ Học sinh có thể sử dụng kết hợp các thao tác : giải thích hiện tượng, phân tích bình luận về tác hại của hiện tượng, bác bỏ những quan niệm sai lệch liên quan đến vấn đề, ...

+ Dẫn chứng : Bài viết có thể lấy dẫn chứng từ bản tin trong đề bài. Ngoài ra, học sinh có thể lấy các dẫn chứng , số liệu về hiện tượng biến đổi khí hậu diễn ra ở nước ta.

3. KĨ NĂNG XÁC ĐỊNH LUẬN ĐIỂM, TRIỂN KHAI LUẬN CỤ

<http://thutrang.edu.vn>

Tiếp sức mùa thi môn Ngữ văn

Tài liệu được biên soạn bởi Cô Thu Trang
Giáo viên trường THPT Tạ Uyên- Yên Mô- Ninh Bình

Kiểu bài nghị luận về hiện tượng đời sống thường dễ xác định luận điểm, luận cứ. Học sinh chỉ cần nắm vững dàn ý chung là có thể tìm được các luận điểm phù hợp cho từng đề cụ thể. Thông thường bài văn sẽ có các luận điểm sau :

Luận điểm 1 : Thực trạng

Luận điểm 2 : Nguyên nhân

Luận điểm 3 : Tác hại/ tác dụng

Luận điểm 4 : Giải pháp, bài học

Với mỗi luận điểm lại có những luận cứ tương ứng, ví dụ với đề bài sau :

Đề bài: Đọc bản tin sau và thực hiện những yêu cầu ở dưới

“Cùng với sự bùng nổ của công nghệ thông tin, sự phát triển của mạng xã hội như Facebook, Youtube... ngày nay người ta có thể dễ dàng trở nên nổi tiếng. Có những người nổi tiếng vì tài năng thực, song cũng có không ít những cô gái cực “hot”, cực nổi trên mạng, nhưng lại rất “chìm” ở đời thực. Những ảo tưởng, huyền hoặc về giá trị của bản thân đã gây nên bao chuyện bi hài cho những hot girl sống ảo.

Theo ký ức của bạn bè, T. vốn có nước da ngăm ngăm, người béo trọc béo tròn và khuôn mặt thì hao hao cái bánh bao. Thế nhưng trái ngược với ký ức đó, tất cả các hình ảnh của T. trên facebook của nàng đều xinh lung linh, cứ ngỡ là hot girl 9x nào đó chứ không phải cô bạn quê mùa ngày xưa. Đây là nước da trắng mịn như da em bé, khuôn mặt chuẩn V-line, đôi mắt to, hàng mi cong, cánh mũi thẳng, bờ vai trắng như cẩm thạch... Nhiều người comment hỏi có phải là Ngọc T. đấy không thì chủ nhân facebook chỉ ồm ờ: “Không T. thì còn ai vào đây nữa!”. Có một điều lạ là trong khi bạn bè cùng lứa đều đã gia đình đê huê, song T. vẫn đi về lẻ bóng. Hỏi thì T. bảo do... cao số.

<http://thutrang.edu.vn>
Tiếp sức mùa thi môn Ngữ văn

Tài liệu được biên soạn bởi Cô Thu Trang
Giáo viên trường THPT Tạ Uyên- Yên Mô- Ninh Bình

Nhưng theo một người em họ của T. thì lý do mà cô gái này lâm vào tình cảnh “tồn kho mất chìa khóa” chẳng phải do cao số thấp số gì cả, mà là do “chị T. sống ảo quá”.

(Theo báo điện tử Dân Trí : *Bi hài “hot girl” sống “ảo”*)
Viết một bài văn khoảng 600 từ trình bày suy nghĩ của anh/ chị về hiện tượng được đề cập đến trong bài báo trên

Luận điểm 1 : Nêu hiện tượng/ thực trạng sống ảo

Luận điểm 2 : Tác hại của hiện tượng sống ảo

Luận điểm 3: Nêu nguyên nhân của lối sống ảo

Luận điểm 4 : Giải pháp khắc phục hiện tượng sống ảo, bài học rút ra

Đối với luận điểm 3, học sinh có thể triển khai như sau:

- Nguyên nhân khách quan: Bệnh ảo tưởng đối với một bộ phận người trẻ là có nguyên nhân. Trước tiên, đó là tác dụng ngược của mạng xã hội
- Nguyên nhân chủ quan:

Nguyên nhân tâm lý: Nhiều bạn trẻ thích thể hiện bản thân, hành vi của họ là để bù đắp cho sự thiếu tự tin ngoài thực tế. Nói cách khác, họ muốn được yêu thương, ngưỡng mộ, chấp nhận thông qua việc đăng những ảnh mà họ cho rằng sẽ khiến họ trở nên hấp dẫn hơn, và theo kịp thời đại.

Suy cho cùng, sống “ảo” là hệ quả của việc sống thiếu bản lĩnh, thói quen mong hưởng thụ nhiều hơn cố gắng.

Học sinh có thể lấy dẫn chứng để chứng minh cho luận điểm trên

Còn nữa, các em truy cập website của cô để cập nhật những bài viết mới nhất nhé !

<http://thutrang.edu.vn/>

Xem bài tập tham khảo về NLXH ở đây :

<http://thutrang.edu.vn/tag/ngghi-luan-xa-hoi>

<http://thutrang.edu.vn>

Tiếp sức mùa thi môn Ngữ văn

*Tài liệu được biên soạn bởi Cô Thu Trang
Giáo viên trường THPT Tạ Uyên- Yên Mô- Ninh Bình*

ÔN TẬP PHẦN ĐỌC HIỂU VĂN BẢN

Các kiến thức cần huy động trong phần đọc hiểu:

- + Về ngữ pháp, cấu trúc câu
- + Phong cách ngôn ngữ văn bản.
- + Phương thức biểu đạt của văn bản
- + Các biện pháp nghệ thuật sử dụng trong văn bản và tác dụng của biện pháp đó .
- + Nội dung chính của văn bản
- + Thấy được tư tưởng của tác giả gửi gắm trong văn bản.
- + Thông điệp rút ra từ văn bản .
- + Thể loại của văn bản.
- + Thao tác lập luận
- + Các hình thức đoạn văn
- +...

CÁC PHONG CÁCH NGÔN NGỮ VĂN BẢN VÀ CÁCH PHÂN BIỆT

Có 6 phong cách ngôn ngữ sau :

- + Phong cách ngôn ngữ Sinh hoạt
- + Phong cách ngôn ngữ Nghệ thuật
- + Phong cách ngôn ngữ Báo chí
- + Phong cách ngôn ngữ Chính luận
- + Phong cách ngôn ngữ Hành chính
- + Phong cách ngôn ngữ Khoa học

<http://thutrang.edu.vn>

Tiếp sức mùa thi môn Ngữ văn

Tài liệu được biên soạn bởi Cô Thu Trang
Giáo viên trường THPT Tạ Uyên- Yên Mô- Ninh Bình

1. PHONG CÁCH NGÔN NGỮ SINH HOẠT:

a/ Khái niệm Ngôn ngữ sinh hoạt:

– Là lời ăn tiếng nói hàng ngày dùng để trao đổi thông tin, ý nghĩ, tình cảm,... đáp ứng nhu cầu của cuộc sống.

– Có 2 dạng tồn tại:

+ Dạng nói

+ Dạng viết: nhật kí, thư từ, truyện trò trên mạng xã hội, tin nhắn điện thoại,...

b/ Phong cách ngôn ngữ sinh hoạt:

– Phong cách ngôn ngữ sinh hoạt là phong cách được dùng trong giao tiếp sinh hoạt hàng ngày, thuộc hoàn cảnh giao tiếp không mang tính nghi thức. Giao tiếp ở đây thường với tư cách cá nhân nhằm để trao đổi tư tưởng, tình cảm của mình với người thân, bạn bè,...

– Đặc trưng:

+ *Tính cụ thể*: Cụ thể về không gian, thời gian, hoàn cảnh giao tiếp, nhân vật giao tiếp, nội dung và cách thức giao tiếp...

+ *Tính cảm xúc*: Cảm xúc của người nói thể hiện qua giọng điệu, các trợ từ, thán từ, sử dụng kiểu câu linh hoạt,...

+ *Tính cá thể*: là những nét riêng về giọng nói, cách nói năng => Qua đó ta có thể thấy được đặc điểm của người nói về giới tính, tuổi tác, tính cách, sở thích, nghề nghiệp,...

Trong đề đọc hiểu, nếu đề bài trích đoạn hội thoại, có lời đối đáp của các nhân vật, hoặc trích đoạn một bức thư, nhật kí, thì chúng ta trả lời văn bản đó thuộc phong cách ngôn ngữ sinh hoạt

.

Trường hợp đặc biệt : trích lời của nhân vật trong kịch, truyện , tiểu thuyết, sử thi,.... Thì ngôn ngữ đó thuộc phong cách nghệ thuật.

2/ PHONG CÁCH NGÔN NGỮ NGHỆ THUẬT:

a/ Ngôn ngữ nghệ thuật:

<http://thutrang.edu.vn>

Tiếp sức mùa thi môn Ngữ văn

Tài liệu được biên soạn bởi Cô Thu Trang
Giáo viên trường THPT Tạ Uyên- Yên Mô- Ninh Bình

- Là ngôn ngữ chủ yếu dùng trong các tác phẩm văn chương, không chỉ có chức năng thông tin mà còn thỏa mãn nhu cầu thẩm mỹ của con người. Nó là ngôn ngữ được tổ chức, sắp xếp, lựa chọn, gọt giũa, tinh luyện từ ngôn ngữ thông thường và đạt được giá trị nghệ thuật – thẩm mỹ.
- Chức năng của ngôn ngữ nghệ thuật: chức năng thông tin & chức năng thẩm mỹ.
- Phạm vi sử dụng:
 - + Dùng trong văn bản nghệ thuật: Ngôn ngữ tự sự (truyện ngắn, tiểu thuyết, phê bình, hồi kí...); Ngôn ngữ trữ tình (ca dao, vè, thơ...); Ngôn ngữ sân khấu (kịch, chèo, tuồng...)
 - + Ngoài ra ngôn ngữ nghệ thuật còn tồn tại trong văn bản chính luận, báo chí, lời nói hằng ngày...

b/ Phong cách ngôn ngữ nghệ thuật:

- Là phong cách được dùng trong sáng tác văn chương
- Đặc trưng:
 - + *Tính hình tượng:*
Xây dựng hình tượng chủ yếu bằng các biện pháp tu từ: ẩn dụ, nhân hóa, so sánh, hoán dụ, điệp...
 - + *Tính truyền cảm:* ngôn ngữ của người nói, người viết có khả năng gây cảm xúc, ấn tượng mạnh với người nghe, người đọc.
 - + *Tính cá thể:* Là dấu ấn riêng của mỗi người, lặp đi lặp lại nhiều lần qua trang viết, tạo thành phong cách nghệ thuật riêng. Tính cá thể hóa của ngôn ngữ còn thể hiện trong lời nói của nhân vật trong tác phẩm.
Như vậy trong đề đọc hiểu, nếu thấy trích đoạn nằm trong một bài thơ, truyện ngắn, tiểu thuyết, tùy bút, ca dao,... và các tác phẩm văn học nói chung thì mình đều trả lời thuộc phong cách ngôn ngữ nghệ thuật.

3/ PHONG CÁCH NGÔN NGỮ CHÍNH LUẬN:

a/ Ngôn ngữ chính luận:

<http://thutrang.edu.vn>

Tiếp sức mùa thi môn Ngữ văn

Tài liệu được biên soạn bởi Cô Thu Trang
Giáo viên trường THPT Tạ Uyên- Yên Mô- Ninh Bình

– Là ngôn ngữ dùng trong các văn bản chính luận hoặc lời nói miệng trong các buổi hội nghị, hội thảo, nói chuyện thời sự,... nhằm trình bày, bình luận, đánh giá những sự kiện, những vấn đề về chính trị, xã hội, văn hóa, tư tưởng,...theo một quan điểm chính trị nhất định.

– Có 2 dạng tồn tại: dạng nói & dạng viết.

b/ Các phương tiện diễn đạt:

– *Về từ ngữ*: sử dụng ngôn ngữ thông thường nhưng có khá nhiều từ ngữ chính trị

– *Về ngữ pháp*: Câu thường có kết cấu chuẩn mực, gần với những phán đoán logic trong một hệ thống lập luận. Liên kết các câu trong văn bản rất chặt chẽ [*Vì thế, Do đó, Tuy... nhưng...*]

– *Về các biện pháp tu từ*: sử dụng nhiều biện pháp tu từ để tăng sức hấp dẫn cho lí lẽ, lập luận.

c/ Đặc trưng phong cách ngôn ngữ chính luận:

Là phong cách được dùng trong lĩnh vực chính trị xã hội.

– *Tính công khai về quan điểm chính trị*: Văn bản chính luận phải thể hiện rõ quan điểm của người nói/ viết về những vấn đề thời sự trong cuộc sống, không che giấu, úp mở. Vì vậy, từ ngữ phải được cân nhắc kĩ càng, tránh dùng từ ngữ mơ hồ; câu văn mạch lạc, tránh viết câu phức tạp, nhiều ý gây những cách hiểu sai.

– *Tính chặt chẽ trong diễn đạt và suy luận*: Văn bản chính luận có hệ thống luận điểm, luận cứ, luận chứng rõ ràng, mạch lạc và sử dụng từ ngữ liên kết rất chặt chẽ: *vì thế, bởi vậy, do đó, tuy... nhưng..., để, mà,....*

– *Tính truyền cảm, thuyết phục*: Thể hiện ở lí lẽ đưa ra, giọng văn hùng hồn, tha thiết, bộc lộ nhiệt tình của người viết.

Cách nhận biết ngôn ngữ chính luận trong đề đọc hiểu :

-Nội dung liên quan đến những sự kiện, những vấn đề về chính trị, xã hội, văn hóa, tư tưởng,...

-Có quan điểm của người nói/ người viết

-Dùng nhiều từ ngữ chính trị

<http://thutrang.edu.vn>

Tiếp sức mùa thi môn Ngữ văn

Tài liệu được biên soạn bởi Cô Thu Trang
Giáo viên trường THPT Tạ Uyên- Yên Mô- Ninh Bình

– Được trích dẫn trong các văn bản chính luận ở SGK hoặc lời phát biểu của các nguyên thủ quốc gia trong hội nghị, hội thảo, nói chuyện thời sự, ...

4/ PHONG CÁCH NGÔN NGỮ KHOA HỌC:

a/ VB khoa học

– VB khoa học gồm 3 loại:

+ *VBKH chuyên sâu*: dùng để giao tiếp giữa những người làm công việc nghiên cứu trong các ngành khoa học [chuyên khảo, luận án, luận văn, tiểu luận,...]

+ *VBKH và giáo khoa*: giáo trình, sách giáo khoa, thiết kế bài dạy,... Nội dung được trình bày từ thấp đến cao, dễ đến khó, khái quát đến cụ thể, có lý thuyết và bài tập đi kèm,...

+ *VBKH phổ cập*: báo, sách phổ biến khoa học kỹ thuật... nhằm phổ biến rộng rãi kiến thức khoa học cho mọi người, không phân biệt trình độ -> viết dễ hiểu, hấp dẫn.

– Ngôn ngữ KH: là ngôn ngữ được dùng trong giao tiếp thuộc lĩnh vực khoa học, tiêu biểu là các VBKH.

Tồn tại ở 2 dạng: nói [bài giảng, nói chuyện khoa học,...] & viết [giáo án, sách, vở,...]

b/ Đặc trưng phong cách ngôn ngữ khoa học:

– *Tính khái quát, trừu tượng* :

+ Ngôn ngữ khoa học dùng nhiều thuật ngữ khoa học: từ chuyên môn dùng trong từng ngành khoa học và chỉ dùng để biểu hiện khái niệm khoa học.

+ Kết cấu văn bản: mang tính khái quát (các luận điểm khoa học trình bày từ lớn đến nhỏ, từ cao đến thấp, từ khái quát đến cụ thể)

– *Tính lý trí, logic*:

+ Từ ngữ: chỉ dùng với một nghĩa, không dùng các biện pháp tu từ.

+ Câu văn: chặt chẽ, mạch lạc, là 1 đơn vị thông tin, cú pháp chuẩn.

+ Kết cấu văn bản: Câu văn liên kết chặt chẽ và mạch lạc. Cả văn bản thể hiện một lập luận logic.

<http://thutrang.edu.vn>

Tiếp sức mùa thi môn Ngữ văn

Tài liệu được biên soạn bởi Cô Thu Trang
Giáo viên trường THPT Tạ Uyên- Yên Mô- Ninh Bình

– *Tính khách quan, phi cá thể:*

+ Câu văn trong văn bản khoa học: có sắc thái trung hoà, ít cảm xúc

+ Khoa học có tính khái quát cao nên ít có những biểu đạt có tính chất cá nhân

Nhận biết : dựa vào những đặc điểm về nội dung, từ ngữ, câu văn, cách trình bày,...

5/ PHONG CÁCH NGÔN NGỮ BÁO CHÍ:

a/ Ngôn ngữ báo chí:

– Là ngôn ngữ dùng để thông báo tin tức thời sự trong nước và quốc tế, phản ánh chính kiến của tờ báo và dư luận quần chúng, nhằm thúc đẩy sự tiến bộ của XH. Tồn tại ở 2 dạng: nói [thuyết minh, phỏng vấn miệng trong các buổi phát thanh/ truyền hình...] & viết [báo viết]

– Ngôn ngữ báo chí được dùng ở những thể loại tiêu biểu là bản tin, phóng sự, tiểu phẩm,... Ngoài ra còn có quảng cáo, bình luận thời sự, thư bạn đọc,... Mỗi thể loại có yêu cầu riêng về sử dụng ngôn ngữ.

b/ Các phương tiện diễn đạt:

– *Về từ vựng:* sử dụng các lớp từ rất phong phú, mỗi thể loại có một lớp từ vựng đặc trưng.

– *Về ngữ pháp:* Câu văn đa dạng nhưng thường ngắn gọn, sáng sủa, mạch lạc.

– *Về các biện pháp tu từ:* Sử dụng nhiều biện pháp tu từ để tăng hiệu quả diễn đạt.

c/ Đặc trưng của PCNN báo chí:

– *Tính thông tin thời sự:* Thông tin nóng hổi, chính xác về địa điểm, thời gian, nhân vật, sự kiện,...

– *Tính ngắn gọn:* Lời văn ngắn gọn nhưng lượng thông tin cao [bản tin, tin vắn, quảng cáo,...]. Phóng sự thường dài hơn nhưng cũng không quá 3 trang báo và thường có tóm tắt, in đậm đầu bài báo để dẫn dắt.

<http://thutrang.edu.vn>

Tiếp sức mùa thi môn Ngữ văn

Tài liệu được biên soạn bởi Cô Thu Trang
Giáo viên trường THPT Tạ Uyên- Yên Mô- Ninh Bình

– *Tính sinh động, hấp dẫn*: Các dùng từ, đặt câu, đặt tiêu đề phải kích thích sự tò mò của người đọc.

Nhận biết :

+Văn bản báo chí rất dễ nhận biết khi đề bài trích dẫn một bản tin trên báo, và ghi rõ nguồn bài viết (ở báo nào? ngày nào?)

Trường hợp đặc biệt : Báo chí có thể đăng những văn bản thuộc phong cách khác. Ví dụ báo chí đăng lời phát biểu của Thủ Tướng chính Phủ thì ngữ liệu đó vẫn thuộc phong cách ngôn ngữ chính luận chứ không phải phong cách báo chí. Ví dụ 2 : báo chí đăng 1 bài thơ : thì văn bản đó vẫn thuộc phong cách nghệ thuật.

+Nhận biết bản tin và phóng sự : có thời gian, sự kiện, nhân vật, những thông tin trong văn bản có tính thời sự

6/PHONG CÁCH NGÔN NGỮ HÀNH CHÍNH

a/ VB hành chính & Ngôn ngữ hành chính:

– VB hành chính là VB được dùng trong giao tiếp thuộc lĩnh vực hành chính. Đó là giao tiếp giữa Nhà nước với nhân dân, giữa nhân dân với cơ quan Nhà nước, giữa cơ quan với cơ quan, giữa nước này và nước khác trên cơ sở pháp lí [thông tư, nghị định, đơn từ, báo cáo, hóa đơn, hợp đồng...]

– Ngôn ngữ hành chính là ngôn ngữ được dùng trong các VBHC. Đặc điểm:

+ *Cách trình bày*: thường có khuôn mẫu nhất định

+ *Về từ ngữ*: sử dụng lớp từ hành chính với tần số cao

+ *Về kiểu câu*: câu thường dài, gồm nhiều ý, mỗi ý quan trọng thường được tách ra, xuống dòng, viết hoa đầu dòng.

b/ Đặc trưng PCNN hành chính:

– *Tính khuôn mẫu* : mỗi văn bản hành chính đều tuân thủ 1 khuôn mẫu nhất định

– *Tính minh xác*: Không dùng phép tu từ, lối biểu đạt hàm ý hoặc mơ hồ về nghĩa. Không tùy tiện xóa bỏ, thay đổi, sửa chữa nội dung. Đảm bảo chính xác từng dấu câu, chữ kí, thời gian. Gồm nhiều chương, mục để tiện theo dõi

<http://thutrang.edu.vn>

Tiếp sức mùa thi môn Ngữ văn

Tài liệu được biên soạn bởi Cô Thu Trang
Giáo viên trường THPT Tạ Uyên- Yên Mô- Ninh Bình

– *Tính công vụ*: Không dùng từ ngữ biểu hiện quan hệ, tình cảm cá nhân [nếu có cũng chỉ mang tính ước lệ: kính mong, kính gửi, trân trọng cảm ơn,...]. Dùng lối từ toàn dân, không dùng từ địa phương, khẩu ngữ,...

Ví dụ: Đơn xin nghỉ học, Hợp đồng thuê nhà,

Nhận biết văn bản hành chính rất đơn giản : chỉ cần bám sát hai dấu hiệu mở đầu và kết thúc

+Có phần tiêu ngữ (Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam) ở đầu văn bản

+Có chữ kí hoặc dấu đỏ của các cơ quan chức năng ở cuối văn bản

Ngoài ra, văn bản hành chính còn có nhiều dấu hiệu khác để chúng ta có thể nhận biết một cách dễ dàng.

Cô nghĩ đề thi rất ít khi trích đoạn văn bản hành chính. Các em chú ý 5 phong cách ngôn ngữ kia nhé

Bài tập minh hoạ

Ví dụ 1 : Đọc đoạn văn sau và trả lời câu hỏi: *“Tất cả trẻ em trên thế giới đều trong trắng, dễ bị tổn thương và còn phụ thuộc. Đồng thời chúng hiểu biết, ham hoạt động và đầy ước vọng. Tuổi chúng phải được sống trong vui tươi, thanh bình, được chơi, được học và phát triển. Tương lai của chúng phải được hình thành trong sự hòa hợp và tương trợ. Chúng phải được trưởng thành khi được mở rộng tầm nhìn, thu nhận thêm những kinh nghiệm mới”.*

* Đoạn văn được viết theo phong cách ngôn ngữ nào?

(Trả lời: Đoạn văn được viết theo **phong cách ngôn ngữ chính luận**).

Ví dụ 2:

“Dịch bệnh E-bô-la ngày càng trở thành “thách thức” khó hóa giải. Hiện đã có hơn 4000 người tử vong trong tổng số hơn 8000 ca nhiễm vi rút E-bô-la. Ở năm quốc gia Tây Phi. Hàng

<http://thutrang.edu.vn>

Tiếp sức mùa thi môn Ngữ văn

Tài liệu được biên soạn bởi Cô Thu Trang
Giáo viên trường THPT Tạ Uyên- Yên Mô- Ninh Bình

nghìn trẻ em rơi vào cảnh mồ côi vì E-bô-la. Tại sao Li-bê-ri-a, cuộc bầu cử thượng viện phải hủy do E-bô-la “tác quái”

Với tinh thần sẻ chia và giúp đỡ năm nước Tây Phi đang chìm trong hoạn nạn, nhiều quốc gia và các tổ chức quốc tế đã gửi những nguồn lực quý báu với vùng dịch để giúp đẩy lùi “bóng ma” E-bô-la, bất chấp nhưng nguy cơ có thể xảy ra.

Mỹ đã quyết định gửi 4000 binh sĩ, gồm các kỹ sư, chuyên gia y tế, hàng loạt nước ở Châu Âu, Châu Á và Mĩ-la-tinh gửi trang thiết bị và hàng nghìn nhân viên y tế tới khu vực Tây Phi. Cu-ba cũng gửi hàng trăm chuyên gia y tế tới đây.

Trong bối cảnh chưa có vắc xin điều trị căn bệnh E-bô-la, việc cộng đồng quốc tế không “quay lưng” với vùng lõi dịch ở Tây Phi, tiếp tục gửi chuyên gia và thiết bị tới đây để dập dịch không chỉ là hành động mang tính nhân văn, mà còn thắp lên tia hi vọng cho hàng triệu người Phi ở khu vực này”.

(Dẫn theo nhân dân.Com.vn)

Văn bản trên được viết theo phong cách ngôn ngữ nào?

(Văn bản trên được viết theo **phong cách ngôn ngữ báo chí**)

Ví dụ 3: “ Nhà di truyền học lấy một tế bào của các sợi tóc tìm thấy trên thi thể nạn nhân từ nước bọt dính trên mẫu thuốc lá. Ông đặt chúng vào một sản phẩm dùng phá hủy mọi thứ xung quanh DNA của tế bào.Sau đó, ông tiến hành động tác tương tự với một số tế bào máu của nghi phạm.Tiếp đến, DNA được chuẩn bị đặc biệt để tiến hành phân tích.Sau đó, ông đặt nó vào một chất keo đặc biệt rồi truyền dòng điện qua keo. Một vài tiếng sau, sản phẩm cho ra nhìn giống như mã vạch sọc (giống như trên các sản phẩm chúng ta mua) có thể nhìn thấy dưới một bóng đèn đặc biệt. Mã vạch sọc DNA của nghi phạm sẽ đem ra so sánh với mã vạch của sợi tóc tìm thấy trên người của nạn nhân”.

(Nguồn : Le Ligueur, 27 tháng 5 năm 1998)

* Đoạn văn được viết theo phong cách ngôn ngữ nào?

(Trả lời: Đoạn văn được viết theo **phong cách ngôn ngữ khoa học**).

<http://thutrang.edu.vn>

Tiếp sức mùa thi môn Ngữ văn

Tài liệu được biên soạn bởi Cô Thu Trang
Giáo viên trường THPT Tạ Uyên- Yên Mô- Ninh Bình

CÁC PHƯƠNG THỨC BIỂU ĐẠT VÀ CÁCH PHÂN BIỆT

Có 6 phương thức biểu đạt : Tự sự, Miêu tả, biểu cảm , thuyết minh, nghị luận, hành chính công vụ

1. *Tự sự*: là dùng ngôn ngữ để kể một chuỗi sự việc, sự việc này dẫn đến sự việc kia, cuối cùng tạo thành một kết thúc. Ngoài ra, người ta không chỉ chú trọng đến kể việc mà còn quan tâm đến việc khắc hoạ tính cách nhân vật và nêu lên những nhận thức sâu sắc, mới mẻ về bản chất của con người và cuộc sống.

Cách nhận biết phương thức tự sự: có cốt truyện, có nhân vật, có diễn biến sự việc, có những câu văn trần thuật. Tự sự thường được sử dụng trong truyện, tiểu thuyết, văn xuôi nói chung, đôi khi còn được dùng trong thơ(khi muốn kể sự việc)

Ví dụ:

“Một hôm, mẹ Cám đưa cho Tấm và Cám mỗi đĩa một cái giỏ, sai đi bắt tôm, bắt tép và hươ, đĩa nào bắt được đầy giỏ sẽ thưởng cho một cái yếm đỏ. Tấm vốn chăm chỉ, lại sợ dì mắng nên mải miết suốt buổi bắt đầy một giỏ cả tôm lẫn tép. Còn Cám quen được nuông chiều, chỉ ham chơi nên mãi đến chiều chẳng bắt được gì.”

Trong đoạn văn trên, tác giả dân gian kể về sự việc hai chị em Tấm đi bắt tép.

+Có nhân vật : dì ghẻ, Tấm, Cám.

+Có câu chuyện đi bắt tép của hai chị em

+Có diễn biến hành động của các nhân vật dì ghẻ, Tấm & Cám

+Có các câu trần thuật

2. *Miêu tả*: là dùng ngôn ngữ làm cho người nghe, người đọc có thể hình dung được cụ thể sự vật, sự việc như đang hiện ra trước mắt hoặc nhận biết được thế giới nội tâm của con người.

Dấu hiệu nhận biết phương thức miêu tả : Có các câu văn, câu thơ tái hiện lại hình dáng, diện mạo, màu sắc,... của người và sự vật (tả người, tả cảnh, tả tình,...)

<http://thutrang.edu.vn>

Tiếp sức mùa thi môn Ngữ văn

Tài liệu được biên soạn bởi Cô Thu Trang
Giáo viên trường THPT Tạ Uyên- Yên Mô- Ninh Bình

Ví dụ:

“Trăng đang lên. Mặt sông lấp loáng ánh vàng. Núi Trùm Cát đứng sừng sững bên bờ sông thành một khối tím sẫm uy nghi, trầm mặc. Dưới ánh trăng, dòng sông sáng rực lên, những con sóng nhỏ lăn tăn gợn đều mơn man vỗ nhẹ vào hai bên bờ cát”
(Trong cơn gió lốc, Khuất Quang Thụy)

Đoạn văn trên tả cảnh dòng sông trong một đêm trăng sáng.

3. *Biểu cảm* là dùng ngôn ngữ để bộc lộ tình cảm, cảm xúc của mình về thế giới xung quanh.

Dấu hiệu nhận biết phương thức biểu cảm : có các câu văn, câu thơ miêu tả cảm xúc, thái độ của người viết hoặc của nhân vật trữ tình. (Nhớ là cảm xúc của người viết, chứ không hẳn là cảm xúc của nhân vật trong truyện nhé)

Ví dụ:

Nhớ ai bồi hồi bồi hồi
Như đứng đống lửa như ngồi đống than
(Ca dao)

Câu ca dao trên miêu tả cảm xúc nhớ nhung của một người đang yêu.

Lưu ý : các em có thể nhầm lẫn với phương thức tự sự trong đoạn văn sau :

“Hắn vừa đi vừa chửi. Bao giờ cũng thế, cứ rượu xong là hắn chửi. Bắt đầu hắn chửi trời. Có hề gì? Trời có của riêng nhà nào? Rồi hắn chửi đời. Thế cũng chẳng sao: đời là tất cả nhưng chẳng là ai. Tức mình, hắn chửi ngay tất cả làng Vũ Đại. Nhưng cả làng Vũ Đại ai cũng nhủ: “Chắc nó trừ mình ra!”. Không ai lên tiếng cả. Tức thật! ờ! Thế này thì tức thật! Tức chết đi được mất! Đã thế, hắn phải chửi cha đứa nào không chửi nhau với hắn. Nhưng cũng không ai ra điều. Mẹ kiếp! Thế có phí rượu không? Thế thì có khổ hắn không? Không biết đứa chết mẹ nào lại đẻ ra thân hắn cho hắn khổ đến nông nổi này? A ha! Phải đấy hắn cứ thế mà chửi, hắn cứ chửi đứa chết mẹ nào đẻ ra thân hắn, đẻ ra cái thằng Chí Phèo! Hắn nghiêng răng vào mà chửi cái đứa

<http://thutrang.edu.vn>

Tiếp sức mùa thi môn Ngữ văn

Tài liệu được biên soạn bởi Cô Thu Trang
Giáo viên trường THPT Tạ Uyên- Yên Mô- Ninh Bình

đã đẻ ra Chí Phèo. Nhưng mà biết đứa nào đã đẻ ra Chí Phèo? Có mà trời biết! Hắn không biết, cả làng Vũ Đại cũng không ai biết... ”

Đây là đoạn mở đầu truyện Chí Phèo của Nam Cao, các em học sinh khối 10 chưa được học. Nội dung đoạn văn trên miêu tả hành động Chí Phèo vừa đi vừa chửi. Có những câu miêu tả cảm xúc của chí phèo, nhưng các em đừng nhầm lẫn với phương thức biểu cảm nhé:

Tức mình, hắn chửi ngay tất cả làng Vũ Đại->> phương thức tự sự.

Tức thật! ờ! Thế này thì tức thật! Tức chết đi được mất!->> câu này lại dùng phương thức biểu cảm, nhà văn nhập thân vào Chí Phèo để bộc lộ cảm xúc , nói hộ cảm xúc của nhân vật

4. *Thuyết minh* là cung cấp, giới thiệu, giảng giải,...những tri thức về một sự vật, hiện tượng nào đó cho những người cần biết nhưng còn chưa biết.

Nhận biết phương thức thuyết minh hơi rắc rối hơn chút : có những câu văn chỉ ra đặc điểm riêng, nổi bật của đối tượng, người ta cung cấp kiến thức về đối tượng, nhằm mục đích làm người đọc hiểu rõ về đối tượng nào đó.

Ví dụ:

Trong muôn vàn loài hoa mà thiên nhiên đã tạo ra trên thế gian này, hiếm có loài hoa nào mà sự đánh giá về nó lại được thống nhất như là hoa lan.

Hoa lan đã được người phương Đông tôn là « loài hoa vương giả » (vương giả chỉ hoa). Còn với người phương Tây thì lan là « nữ hoàng của các loài hoa »

Họ lan thường được chia thành hai nhóm : nhóm phong lan bao gồm tất cả những loài sống bám trên đá, trên cây, có rễ nằm trong không khí. Còn nhóm địa lan lại gồm những loài có rễ nằm trong đất hay lớp thảm mục

(Đoạn trích này đã có trong SGK lớp 10, bài phương pháp thuyết minh nên cô Thu Trang chỉ trích 1 đoạn thôi nhé)

<http://thutrang.edu.vn>

Tiếp sức mùa thi môn Ngữ văn

Tài liệu được biên soạn bởi Cô Thu Trang
Giáo viên trường THPT Tạ Uyên- Yên Mô- Ninh Bình

Đoạn trích thuyết minh về hoa lan, nhằm mục đích làm cho người đọc hiểu rõ về loài hoa này

5. *Nghị luận* là phương thức chủ yếu được dùng để bàn bạc phải trái, đúng sai nhằm bộc lộ rõ chủ kiến, thái độ của người nói, người viết rồi dẫn dắt, thuyết phục người khác đồng tình với ý kiến của mình.

Dấu hiệu nhận biết phương thức nghị luận : Có vấn đề bàn luận, có quan điểm của người viết. Nghị luận thường đi liền với thao tác phân tích, giải thích, chứng minh, bình luận

Ví dụ:

“Muốn xây dựng một đất nước giàu mạnh thì phải có nhiều người tài giỏi. Muốn có nhiều người tài giỏi thì học sinh phải ra sức học tập văn hóa và rèn luyện thân thể, bởi vì chỉ có học tập và rèn luyện thì các em mới có thể trở thành những người tài giỏi trong tương lai.

6. *Hành chính công vụ* : Là phương thức dùng để giao tiếp giữa Nhà nước với nhân dân, giữa nhân dân với cơ quan Nhà nước, giữa cơ quan với cơ quan, giữa nước này và nước khác trên cơ sở pháp lí [thông tư, nghị định, đơn từ, báo cáo, hóa đơn, hợp đồng...]

ví dụ : Giấy xin phép nghỉ học, đơn, hợp đồng,...

Phương thức hành chính công vụ thường không xuất hiện trong đề đọc hiểu nhé.

Như vậy các em đã phân biệt được 6 phương thức biểu đạt rồi nhé ! Trong đề thi nếu có câu hỏi : *Xác định phương thức biểu đạt chính của văn bản*, thì các em chỉ cần nêu một phương thức chính. Nếu đề bài hỏi *xác định phương thức biểu đạt* hoặc *những phương thức biểu đạt* thì có thể trả lời nhiều phương thức.

PHẦN 2 : BÀI TẬP VẬN DỤNG

Đọc đoạn văn sau và trả lời câu hỏi:

...Còn xa lắm mới đến cái thác dưới. Nhưng đã thấy tiếng nước réo gần mãi lại, réo to mãi lên. Tiếng nước thác nghe như là oán trách gì, rồi lại như là van xin, rồi lại như là khiêu khích,

<http://thutrang.edu.vn>

Tiếp sức mùa thi môn Ngữ văn

Tài liệu được biên soạn bởi Cô Thu Trang
Giáo viên trường THPT Tạ Uyên- Yên Mô- Ninh Bình

giọng gần mà chế nhạo. Thế rồi nó rống lên như tiếng một ngàn con trâu mộng đang lồng lộn giữa rừng vầu, rừng tre nứa nổ lửa, đang phá tuông rừng lửa, rừng lửa cùng gầm thét với đàn trâu da cháy bùng bùng. Tới cái thác rồi. Ngoặt khúc sông lượn, thấy sóng bọt đã trắng xóa cả chân trời đá. Đá ở đây từ ngàn năm vẫn mai phục hết trong lòng sông, hình như mỗi lần có chiếc thuyền nào xuất hiện ở quãng ầm ầm mà quạnh hiu này, mỗi lần có chiếc nào nhô vào đường ngoặt sông là một số hòn bèn nhóm cả dậy để vồ lấy thuyền. Mặt hòn đá nào trông cũng ngỗ ngược, hòn nào cũng nhăn nhúm méo mó hơn cả cái mặt nước chỗ này.

(Trích Tùy bút **Người lái đò Sông Đà** -Nguyễn Tuân)

Đoạn văn trên được viết theo phương thức biểu đạt nào là chính?

(Trả lời: Phương thức biểu đạt chính của đoạn văn trên là **miêu tả**).

Ví dụ 2: “ Hấn về lần này trông khác hẳn, mới đầu chẳng ai biết hấn là ai. Trông đặc như thừng sừng đá! Cái đầu thì trọc lóc, cái răng cạo trắng hớn, cái mặt thì đen mà rất cong cong, hai con mắt gườm gườm trong góm chết! Hấn mặt cái quần nái đen với áo tây vàng. Cái ngực phanh, đầy những nét chạm trổ rồng phượng với một ông tướng cầm chùy, cả hai cánh tay cũng thế. Trông góm chết! (**Chí Phèo**— Nam Cao)

Hãy chỉ ra các phương thức biểu đạt được sử dụng trong đoạn văn trên ?

(Trả lời: Các phương thức biểu đạt được sử dụng trong đoạn văn trên là: **tự sự, miêu tả, biểu cảm**).

Ví dụ 3: “Trường học của chúng ta là trường học của chế độ dân chủ nhân dân, nhằm mục đích đào tạo những công dân và cán bộ tốt, những người chủ tương lai của nước nhà. Về mọi mặt, trường học của chúng ta phải hơn hẳn trường học của thực dân phong kiến.

Muốn được như thế thì thầy giáo, học trò và cán bộ phải cố gắng hơn nữa để tiến bộ hơn nữa”

(Hồ Chí Minh – Về vấn đề giáo dục)

Đoạn văn trên được viết theo phương thức biểu đạt nào?

<http://thutrang.edu.vn>

Tiếp sức mùa thi môn Ngữ văn

Tài liệu được biên soạn bởi Cô Thu Trang
Giáo viên trường THPT Tạ Uyên- Yên Mô- Ninh Bình

(Trả lời: Đoạn văn trên được viết theo **phương thức nghị luận**)
Ví dụ 4: “Nước là yếu tố thứ hai quyết định sự sống chỉ sau không khí, vì vậy con người không thể sống thiếu nước. Nước chiếm khoảng 58 – 67% trọng lượng cơ thể người lớn và đối với trẻ em lên tới 70 – 75%, đồng thời nước quyết định tới toàn bộ quá trình sinh hóa diễn ra trong cơ thể con người.

Khi cơ thể mất nước, tình trạng rối loạn chuyển hóa sẽ xảy ra, Protein và Enzyme sẽ không đến được các cơ quan để nuôi cơ thể, thể tích máu giảm, chất điện giải mất đi và cơ thể không thể hoạt động chính xác. Tình trạng thiếu nước do không uống đủ hàng ngày cũng sẽ ảnh hưởng tới hoạt động của não bởi có tới 80% thành phần mô não được cấu tạo từ nước, điều này gây trí nhớ kém, thiếu tập trung, tinh thần và tâm lý giảm sút...”

(**Nanomic.com.vn**)

Đoạn trích được viết theo phương thức biểu đạt nào?

(Trả lời: Đoạn trích được viết theo **phương thức thuyết minh**)

Ví dụ 5:

Đò lên Thạch Hãn ơi chèo nhẹ

Đáy sông còn đó bạn tôi nằm.

Có tuổi hai mươi thành sóng nước

Vỗ yên bờ mãi mãi ngàn năm.

(Lê Bá Dương, *Lời người bên sông*)

Phương thức biểu đạt chủ yếu trong đoạn thơ là phương thức nào?

(Phương thức biểu đạt chủ yếu trong đoạn thơ là **biểu cảm**)

Ví dụ 6: Dịch bệnh E-bô-la ngày càng trở thành “thách thức” khó hóa giải. Hiện đã có hơn 4000 người tử vong trong tổng số hơn 8000 ca nhiễm vi rút E-bô-la. Ở năm quốc gia Tây Phi. Hàng nghìn trẻ em rơi vào cảnh mồ côi vì E-bô-la. Tại sao Li-bê-ri-a, cuộc bầu cử thượng viện phải hủy do E-bô-la “tác quái”

Với tinh thần sẻ chia và giúp đỡ năm nước Tây Phi đang chìm trong hoạn nạn, nhiều quốc gia và các tổ chức quốc tế đã gửi những nguồn lực quý báu với vùng dịch để giúp đẩy lùi “bóng ma” E-bô-la, bất chấp nhưng nguy cơ có thể xảy ra.

<http://thutrang.edu.vn>

Tiếp sức mùa thi môn Ngữ văn

Tài liệu được biên soạn bởi Cô Thu Trang
Giáo viên trường THPT Tạ Uyên- Yên Mô- Ninh Bình

Mĩ đã quyết định gửi 4000 binh sĩ, gồm các kĩ sư, chuyên gia y tế, hàng loạt nước ở Châu Âu, Châu Á và Mĩ-la-tinh gửi trang thiết bị và hàng nghìn nhân viên y tế tới khu vực Tây Phi. Cu-ba cũng gửi hàng trăm chuyên gia y tế tới đây.

Trong bối cảnh chưa có vắc xin điều trị căn bệnh E-bô-la, việc cộng đồng quốc tế không “quay lưng” với vùng lõi dịch ở Tây Phi, tiếp tục gửi chuyên gia và thiết bị tới đây để dập dịch không chỉ là hành động mang tính nhân văn, mà còn thấp lên tia hi vọng cho hàng triệu người Phi ở khu vực này.

(Dẫn theo nhân dân.Com.vn)

Văn bản trên sử dụng các phương thức biểu đạt chủ yếu nào?

(Trả lời: Phương thức chủ yếu: **thuyết minh – tự sự**)

CÁC PHÉP LIÊN KẾT TRONG VĂN BẢN

Trong đề đọc hiểu Ngữ văn có câu hỏi : Văn bản trên sử dụng phép liên kết nào ? Nhiều bạn học sinh chưa phân biệt được các phép liên kết trong văn bản. Các em có thể tham khảo bảng sau:

Các phép liên kết	Đặc điểm nhận diện
Phép lặp từ ngữ	Lặp lại ở câu đứng sau những từ ngữ đã có ở câu trước
Phép liên tưởng (đồng nghĩa / trái nghĩa)	Sử dụng ở câu đứng sau những từ ngữ đồng nghĩa/ trái nghĩa hoặc cùng trường liên tưởng với từ ngữ đã có ở câu trước
Phép thế	Sử dụng ở câu đứng sau các từ ngữ có tác dụng thay thế các từ ngữ đã có ở câu trước
Phép nối	Sử dụng ở câu sau các từ ngữ biểu thị <i>quan hệ</i> (nối kết) với câu trước

Ví dụ:

<http://thutrang.edu.vn>
Tiếp sức mùa thi môn Ngữ văn

Tài liệu được biên soạn bởi Cô Thu Trang
Giáo viên trường THPT Tạ Uyên- Yên Mô- Ninh Bình

“Trường học của chúng ta là trường học của chế độ dân chủ nhân dân, nhằm mục đích đào tạo những công dân và cán bộ tốt, những người chủ tương lai của nước nhà. Về mọi mặt, trường học của chúng ta phải hơn hẳn trường học của thực dân phong kiến.

Muốn được như thế thì thầy giáo, học trò và cán bộ phải cố gắng hơn nữa để tiến bộ hơn nữa”. (Hồ Chí Minh – Về vấn đề giáo dục)

Các phép liên kết được sử dụng là:

– Phép lặp: *“Trường học của chúng ta”*

– Phép thế: *“Muốn được như thế”... thay thế cho toàn bộ nội dung của đoạn trước đó.*

“Trường học của chúng ta là trường học của chế độ dân chủ nhân dân, nhằm mục đích đào tạo những công dân và cán bộ tốt, những người chủ tương lai của nước nhà. Về mọi mặt, trường học của chúng ta phải hơn hẳn trường học của thực dân phong kiến.

Các biện pháp tu từ từ vựng và các biện pháp nghệ thuật khác:

Nhận diện những biện pháp nghệ thuật trong văn bản và tác dụng của những biện pháp nghệ thuật đó với việc thể hiện nội dung văn bản:

Các biện pháp tu từ từ vựng: So sánh, ẩn dụ, nhân hoá, hoán dụ, điệp ngữ, chơi chữ, nói quá, nói giảm – nói tránh...

1. So sánh: Là đối chiếu sự vật, sự việc này với sự vật, sự việc khác có nét tương đồng để làm tăng sức gợi hình, gợi cảm cho sự diễn đạt.

VD: Trẻ em như búp trên cành

2. **Nhân hoá:** Là cách dùng những từ ngữ vốn dùng để miêu tả hành động của con người để miêu tả vật, dùng loại từ gọi người để gọi sự vật không phải là người làm cho sự vật, sự việc hiện lên sống động, gần gũi với con người.

VD: Chú mèo đen nhà em rất đáng yêu.

<http://thutrang.edu.vn>

Tiếp sức mùa thi môn Ngữ văn

Tài liệu được biên soạn bởi Cô Thu Trang
Giáo viên trường THPT Tạ Uyên- Yên Mô- Ninh Bình

3. **Ẩn dụ:** Là cách dùng sự vật, hiện tượng này để gọi tên cho sự vật, hiện tượng khác dựa vào nét tương đồng (giống nhau) nhằm tăng sức gợi hình, gợi cảm cho sự diễn đạt.

VD: Gắn mực thì đen, gắn đèn thì rạng.

4. **Hoán dụ:** Là cách dùng sự vật này để gọi tên cho sự vật, hiện tượng khác dựa vào nét liên tưởng gần gũi nhằm tăng sức gợi hình, gợi cảm cho sự diễn đạt.

VD: Đầu bạc tiễn đầu xanh (Người già tiễn người trẻ: dựa vào dấu hiệu bên ngoài).

5. **Điệp ngữ:** là từ ngữ (hoặc cả một câu) được lặp lại nhiều lần trong khi nói và viết nhằm nhấn mạnh, bộc lộ cảm xúc...

VD: Vỗng mắc chông chênh đường xe chạy

Lại đi, lại đi trời xanh thêm.

6. **Chơi chữ:** là cách lợi dụng đặc sắc về âm, nghĩa nhằm tạo sắc thái dí dỏm hài hước.

VD: Mênh mông muôn mẫu màu mưa

Mỗi mắt miên man mãi mìt mờ

7. **Nói quá** là biện pháp tu từ phóng đại mức độ, qui mô, tính chất của sự vật, hiện tượng được miêu tả để nhấn mạnh, gây ấn tượng, tăng sức biểu cảm.

VD: Lỗ mũi mười tám gánh lông

Chồng khen chồng bảo râu rồng trời cho.

8 Nói giảm, nói tránh là một biện pháp tu từ dùng cách diễn đạt tế nhị, uyển chuyển, tránh gây cảm giác quá đau buồn, ghê sợ, nặng nề; tránh thô tục, thiếu lịch sự.

Ví dụ: Bác Dương thôi đã thôi rồi

Nước mây man mác ngậm ngùi lòng ta.

Website của Thu Trang, giáo viên trường THPT Tạ Uyên ,Yên Mô, Ninh Bình

<http://thutrang.edu.vn>

Tiếp sức mùa thi môn Ngữ văn

Tài liệu được biên soạn bởi Cô Thu Trang
Giáo viên trường THPT Tạ Uyên- Yên Mô- Ninh Bình

Phân biệt Ẩn Dụ và Hoán dụ-Cách làm bài tập về biện pháp tu từ

Nhiều bạn học sinh chưa biết cách phân biệt Ẩn dụ và Hoán dụ, bài học hôm nay cô Thu Trang sẽ hướng dẫn các em nhận biết và phân biệt hai biện pháp tu từ Ẩn dụ và Hoán dụ, cách làm dạng bài tập phân tích hai biện pháp tu từ này.

1. Ẩn dụ:

Thực chất Ẩn dụ là gọi tên sự vật hiện tượng này bằng tên của sự vật, hiện tượng khác có nét *tương đồng* với nó nhằm tăng sức gợi hình, gợi cảm cho sự diễn đạt.

Các em có thể hiểu nôm na ẩn dụ là biện pháp thay đổi tên gọi của một sự vật hiện tượng. Giữa sự vật được gọi tên(A) và sự vật bị ẩn đi (B) có nét tương đồng nào đó.

Có bốn kiểu ẩn dụ thường gặp:

- + Ẩn dụ hình thức – tương đồng về hình thức
- + Ẩn dụ cách thức – tương đồng về cách thức
- + Ẩn dụ phẩm chất – tương đồng về phẩm chất
- + Ẩn dụ chuyển đổi cảm giác – chuyển từ cảm giác này sang cảm giác khác, cảm nhận bằng giác quan khác.

2. Hoán dụ:

Thực chất Hoán dụ là gọi tên sự vật, hiện tượng bằng tên của một sự vật, hiện tượng khác có quan hệ *gần gũi* với nó nhằm tăng sức gợi hình, gợi cảm trong diễn đạt.

Có bốn kiểu hoán dụ thường gặp:

- + Lấy một bộ phận để chỉ toàn thể:
- + Lấy vật chứa đựng chỉ vật bị chứa đựng:
- + Lấy dấu hiệu của sự vật để chỉ sự vật:
- + Lấy cái cụ thể để gọi cái trừu tượng

<http://thutrang.edu.vn>

Tiếp sức mùa thi môn Ngữ văn

Tài liệu được biên soạn bởi Cô Thu Trang
Giáo viên trường THPT Tạ Uyên- Yên Mô- Ninh Bình

3. So sánh ẩn dụ và hoán dụ

Nhìn hai khái niệm trên đây, các em dễ nhầm lẫn ẩn dụ và hoán dụ.

a. Trước hết, chúng ta tìm điểm giống nhau giữa hai biện pháp tu từ này:

+ Bản chất cùng là sự chuyển đổi tên gọi: gọi sự vật hiện tượng bằng một tên gọi khác.

Lấy A để chỉ B

+ Cùng dựa trên quy luật liên tưởng.

+ Tác dụng của ẩn dụ và hoán dụ : Làm tăng sức gợi hình gợi cảm cho lời văn, biểu đạt cảm xúc

B. Nhưng hai biện pháp tu từ này khác nhau ở những điểm sau đây :

+ Cơ sở liên tưởng khác nhau:

Ẩn dụ dựa vào sự liên tưởng *tương đồng*, tức là giữa A và B có điểm gì đó giống nhau, nên người ta dùng A để thay cho tên gọi B. Do đó, trong trường hợp này sự vật chuyển đổi tên gọi và sự vật được chuyển đổi tên gọi thường khác phạm trù hoàn toàn.

Ví dụ :

“Đầu tường lửa lưu lập lòe đóm bông”

[Truyện Kiều – Nguyễn Du]

Ở đây *hoa lưu* màu đỏ như *lửa*, bởi vậy *lửa* (A) được dùng làm ẩn dụ chỉ *hoa lưu* (B)

Hoán dụ dựa vào sự liên tưởng *tương cận* (gần gũi) giữa các đối tượng. Mối quan hệ giữa tên mới (A) và tên cũ (B) là mối quan hệ gần kề

Ví dụ :

Đầu xanh có tội tình gì

Má hồng đến quá nửa thì chưa thôi”

Đầu xanh : là bộ phận cơ thể người (gần kề với người) , được lấy làm hoán dụ chỉ người còn trẻ (ví dụ tương tự : đầu bạc- người già)

<http://thutrang.edu.vn>

Tiếp sức mùa thi môn Ngữ văn

Tài liệu được biên soạn bởi Cô Thu Trang
Giáo viên trường THPT Tạ Uyên- Yên Mô- Ninh Bình

Má hồng: chỉ người con gái đẹp
Như vậy , các em có thể hiểu nôm na là :

Ẩn dụ và hoán dụ cùng chung cấu trúc nói A chỉ B nhưng khác nhau:

- Ẩn dụ: A và B có quan hệ tương đồng [giống nhau]
- Hoán dụ: A và B có quan hệ gần gũi, hay đi liền với nhau.

4. Cách làm dạng bài tập phân tích biện pháp tu từ ẩn dụ và hoán dụ

Trong đề đọc hiểu môn văn thường xuất hiện câu hỏi : Tìm và phân tích biện pháp tu từ trong ngữ liệu trên

Đối với dạng câu hỏi này, các em cần làm theo 3 bước sau đây :

+ Gọi tên biện pháp tu từ được sử dụng

+Chỉ rõ từ ngữ, hình ảnh ẩn dụ hoặc hoán dụ (tìm A)

+Nêu hiệu quả nghệ thuật của biện pháp tu từ : hình ảnh, từ ngữ ấy có ý nghĩa như thế nào? Nó được dùng để chỉ đối tượng nào ? (tức là tìm B- sự vật chưa được nói đến) Dùng ẩn dụ, hoán dụ như vậy có dụng ý gì trong biểu đạt cảm xúc, ý nghĩa?...

Ví dụ minh họa :

Bây giờ mặn mới hỏi đào
Vườn hồng đã có ai vào hay chưa
Mặn hỏi thì đào xin thưa
Vườn hồng có lối nhưng chưa ai vào

+Biện pháp ẩn dụ

+Hình ảnh ẩn dụ: *mặn* , *đào*, *vườn hồng*

+Tác dụng : *mặn*, *đào*, *vườn hồng* .là những hình ảnh ẩn dụ – những biểu tượng cho những người lao động ngày xưa, trong bài ca dao này, chúng được dùng để chỉ người con trai và người con gái trong tình yêu. Cách nói bóng gió phù hợp với sự kín đáo, tế nhị trong tình yêu.

Ví dụ 2 :

<http://thutrang.edu.vn>
Tiếp sức mùa thi môn Ngữ văn

Tài liệu được biên soạn bởi Cô Thu Trang
Giáo viên trường THPT Tạ Uyên- Yên Mô- Ninh Bình

Áo nâu cùng với **áo xanh**

Nông thôn cùng với **thị thành** đứng lên.

+Biện pháp hoán dụ

+Các từ in đậm được dùng để biểu thị những đối tượng có mối quan hệ gần gũi với nó.

– **Áo nâu**: chỉ người nông dân; **áo xanh**: chỉ người công nhân;

– **Nông thôn**: chỉ những người ở nông thôn; **thành thị**: chỉ những người sống ở thành thị.

+Để hiểu được tác dụng của biện pháp hoán dụ trong câu thơ này, các em có thể so sánh với câu văn sau đây : Tất cả những người nông dân và người công nhân, những người ở nông thôn và thành thị đều đứng lên ->> Cách diễn đạt rườm rà, không mang tính nghệ thuật.

Luyện tập nâng cao

Bài 1: So sánh

1. Thế nào là so sánh?

So sánh là đối chiếu sự vật, sự việc này với sự vật sự việc khác có nét tương đồng để làm tăng sức gợi hình, gợi cảm cho sự diễn đạt.

VD:

– *Trong như tiếng hạc bay qua*

Đục như tiếng suối mới sa nửa vời.

(Nguyễn Du)

– *Mỏ Cốc như cái dùi sắt, chọc xuyên cả đất*

(Tô Hoài)

2. Cấu tạo của phép so sánh

So sánh là cách công khai đối chiếu các sự vật với nhau, qua đó nhận thức được sự vật một cách dễ dàng cụ thể hơn. Vì vậy một phép so sánh thông thường gồm 3 yếu tố:

(1). Vế A : Đối tượng (là sự vật, hoặc phương diện ...) được so sánh.

(2). Từ so sánh.

<http://thutrang.edu.vn>

Tiếp sức mùa thi môn Ngữ văn

Tài liệu được biên soạn bởi Cô Thu Trang
Giáo viên trường THPT Tạ Uyên- Yên Mô- Ninh Bình

(3). Vế B : Sự vật làm chuẩn để so sánh.

+ Trong 3 yếu tố trên đây yếu tố (1) và yếu tố (3) phải có mặt. Nếu vắng mặt cả yếu tố (1) thì giữa yếu tố (1) và yếu tố (3) phải có điểm tương đồng quen thuộc. Lúc đó ta có ẩn dụ.

VD: Khi ta nói : *Cô gái đẹp như hoa* là so sánh. Còn khi nói : *Hoa tàn mà lại thêm tươi* (Nguyễn Du) thì hoa ở đây là ẩn dụ.

+ Yếu tố (2) có thể là các từ : như, giống, tựa, khác nào, tựa như, giống như, là, bao nhiêu,...bấy nhiêu, hơn, kém ... Mỗi yếu tố đảm nhận một sắc thái biểu cảm khác nhau:

– Như có sắc thái giả định

– Là sắc thái khẳng định

– Tựa thể hiện mức độ chưa hoàn hảo,...

+ Trật tự của phép so sánh có khi được thay đổi.

VD:

Như chiếc đảo bốn bề chao mặt sóng
Hồn tôi vang tiếng vọng của hai miền.

2. **Các kiểu so sánh**

Dựa vào mục đích và các từ so sánh người ta chia phép so sánh thành hai kiểu:

a) So sánh ngang bằng

Phép so sánh ngang bằng thường được thể hiện bởi các từ so sánh sau đây: là, như, y như, tựa như, giống như hoặc cặp đại từ bao nhiêu...bấy nhiêu.

Mục đích của so sánh nhiều khi không phải là tìm sự giống nhau hay khác nhau mà nhằm diễn tả một cách hình ảnh một bộ phận hay đặc điểm nào đó của sự vật giúp người nghe, người đọc có cảm giác hiểu biết sự vật một cách cụ thể sinh động. Vì thế *phép so sánh thường mang tính chất cường điệu.*

VD: *Cao như núi, dài như sông* (Tố Hữu)

b) So sánh hơn kém

Trong so sánh hơn kém từ so sánh được sử dụng là các từ : hơn, hơn là, kém, kém gì...

VD:

<http://thutrang.edu.vn>

Tiếp sức mùa thi môn Ngữ văn

Tài liệu được biên soạn bởi Cô Thu Trang
Giáo viên trường THPT Tạ Uyên- Yên Mô- Ninh Bình

– Ngôi nhà sàn dài hơn cả tiếng chiêng

Muốn chuyển so sánh hơn kém sang so sánh ngang bằng người ta thêm một trong các từ phủ định: Không, chưa, chẳng... vào trong câu và ngược lại.

VD:

Bóng đá quyến rũ tôi hơn những công thức toán học.

Bóng đá quyến rũ tôi không hơn những công thức toán học.

3. Tác dụng của so sánh

+ So sánh tạo ra những hình ảnh cụ thể sinh động.

Phần lớn các phép so sánh đều lấy cái cụ thể so sánh với cái không cụ thể hoặc kém cụ thể hơn, giúp mọi người hình dung được sự vật, sự việc cần nói tới và cần miêu tả.

VD:

Công cha như núi Thái Sơn

Nghĩa mẹ như nước trong nguồn chảy ra. (Ca dao)

+ So sánh còn giúp cho câu văn hàm súc gợi trí tưởng tượng của ta bay bổng. Vì thế trong thơ thể hiện nhiều phép so sánh bất ngờ.

VD:

Tàu dừa chiếc lược chải vào mây xanh

Cách so sánh ở đây thật bất ngờ, thật gợi cảm. Yếu tố (3) bị lược bỏ. Người đọc người nghe tha hồ mà tưởng tượng ra các mặt so sánh khác nhau làm cho hình tượng so sánh được nhân lên nhiều lần.

II/ Bài tập

Bài 1. Trong câu ca dao :

Nhớ ai bồi hồi bồi hồi

Như đứng đồng lửa như ngồi đồng than

a) Từ bồi hồi bồi hồi là từ gì?

b) Giải nghĩa từ bồi hồi bồi hồi

c) Phân tích cái hay của câu thơ do phép so sánh đem lại.

Gợi ý:

a) Đây là từ láy chỉ mức độ cao.

b) Giải nghĩa : trạng thái có những cảm xúc, ý nghĩ cứ trở đi trở lại trong cơ thể con người.

<http://thutrang.edu.vn>

Tiếp sức mùa thi môn Ngữ văn

Tài liệu được biên soạn bởi Cô Thu Trang
Giáo viên trường THPT Tạ Uyên- Yên Mô- Ninh Bình

c) Trạng thái mơ hồ, trừu tượng chỉ được bộc lộ bằng cách đưa ra hình ảnh cụ thể: đứng đồng lửa, ngồi đồng than để người khác hiểu được cái mình muốn nói một cách dễ dàng. Hình ảnh so sánh có tính chất phóng đại nên rất gợi cảm.

Bài 2. Phép so sánh sau đây có gì đặc biệt:

Mẹ già như chuối và hương

Như xôi nếp một, như đường mía lau.

(Ca dao)

Gợi ý:

Chú ý những chỗ đặc biệt sau đây:

– Từ ngữ chỉ phương diện so sánh bị lược bỏ.

Vế (B) là chuẩn so sánh không phải có một mà có ba: chuối và hương – xôi nếp một – đường mía lau là nhằm mục đích ca ngợi người mẹ về nhiều mặt, mặt nào cũng có nhiều ưu điểm đáng quý.

Bài 3. Tìm và phân tích phép so sánh (theo mô hình của so sánh) trong các câu thơ sau:

a) Ngoài thềm rơi chiếc lá đa

Tiếng rơi rất mỏng như là rơi nghiêng.

(Trần Đăng Khoa)

b) Quê hương là chùm khế ngọt

Cho con chèo hái mỗi ngày

Quê hương là đường đi học

Con về rợp bướm vàng bay.

(Đỗ Trung Quân)

Gợi ý:

Chú ý đến các so sánh

a) Tiếng rơi rất mỏng như là rơi nghiêng

b) Quê hương là chùm khế ngọt

Quê hương là đường đi học

Website của Thu Trang, giáo viên trường THPT Tạ Uyên , Yên Mô, Ninh Bình

Bài 2 : Nhân hoá

I/ Củng cố, mở rộng và nâng cao

1. Thế nào là nhân hoá ?

<http://thutrang.edu.vn>

Tiếp sức mùa thi môn Ngữ văn

Tài liệu được biên soạn bởi Cô Thu Trang
Giáo viên trường THPT Tạ Uyên- Yên Mô- Ninh Bình

Nhân hoá là cách gọi hoặc tả con vật, cây cối, đồ vật, hiện tượng thiên nhiên bằng những từ ngữ vốn được dùng để gọi hoặc tả con người; làm cho thế giới loài vật, cây cối đồ vật, ... trở nên gần gũi với con người, biểu thị được những suy nghĩ tình cảm của con người.

Từ nhân hoá nghĩa là trở thành người. Khi gọi tả sự vật người ta thường gán cho sự vật đặc tính của con người. Cách làm như vậy được gọi là phép nhân hoá.

VD:

Cây dừa

Sải tay

Bơi

Ngọn mừng tươi

Nhảy múa (Trần Đăng Khoa)

2. Các kiểu nhân hoá

Nhân hoá được chia thành các kiểu sau đây:

+ Gọi sự vật bằng những từ vốn gọi người

VD:

Đế Choắt ra cửa, hé mắt nhìn chị Cốc. Rồi hỏi tôi :

– Chị Cốc béo xù đứng trước cửa nhà ta đấy hả ?

(Tô Hoài)

+ Những từ chỉ hoạt động, tính chất của con người được dùng để chỉ hoạt động, tính chất sự vật.

VD :

Muôn nghìn cây mía

Múa giương

Kiến

Hành quân

Đầy đường

(Trần Đăng Khoa)

+ Những từ chỉ hoạt động, tính chất của con người được dùng để chỉ hoạt động tính chất của thiên nhiên

VD :

Ông trời

Mặc áo giáp đen

Ra trận

(Trần Đăng Khoa)

<http://thutrang.edu.vn>

Tiếp sức mùa thi môn Ngữ văn

Tài liệu được biên soạn bởi Cô Thu Trang
Giáo viên trường THPT Tạ Uyên- Yên Mô- Ninh Bình

+ Trò chuyện tâm sự với vật như đối với người

VD :

Khăn thương nhớ ai

Khăn rơi xuống đất ?

Khăn thương nhớ ai

Khăn vắt trên vai

(Ca dao)

Em hỏi cây kơ nia

Gió mây thổi về đâu

Về phương mặt trời mọc...

(Bóng cây kơ nia)

3. **Tác dụng của phép nhân hoá**

Phép nhân hoá làm cho câu văn, bài văn thêm cụ thể, sinh động, gợi cảm ; làm cho thế giới đồ vật, cây cối, con vật được gần gũi với con người hơn.

VD :

Bác giun đào đất suốt ngày

Hôm qua chết dưới bóng cây sau nhà. (Trần Đăng Khoa)

II/ Bài tập:

Bài 1: Hai câu thơ sau sử dụng những biện pháp tu từ nào ?

“Mặt trời xuống biển như hòn lửa

Sóng đã cài then đêm sập cửa”

1. Nhân hoá và so sánh C. Ẩn dụ và hoán dụ.

2. Nói quá và liệt kê. D. Chơi chữ và điệp từ.

Gợi ý: A

Bài 2. Trong câu ca dao sau đây:

Trâu ơi ta bảo trâu này

Trâu ăn no cỏ trâu cày với ta

Cách trò chuyện với trâu trong bài ca dao trên cho em cảm nhận gì ?

Gợi ý:

– Chú ý cách xưng hô của người đối với trâu. Cách xưng hô như vậy thể hiện thái độ tình cảm gì ? Tầm quan trọng của con trâu đối với nhà nông như thế nào ? Theo đó em sẽ trả lời được câu

<http://thutrang.edu.vn>

Tiếp sức mùa thi môn Ngữ văn

Tài liệu được biên soạn bởi Cô Thu Trang
Giáo viên trường THPT Tạ Uyên- Yên Mô- Ninh Bình

hỏi.

Bài 3. Tìm phép nhân hoá và nêu tác dụng của chúng trong những câu thơ sau:

Trong gió trong mưa

Ngọn đèn đứng gác

Cho thắng lợi, nổi theo nhau

Đang hành quân đi lên phía trước.

(Ngọn đèn đứng gác- Chính Hữu)

Gợi ý:

Chú ý cách dùng các từ vốn chỉ hoạt động của người như:

– Đứng gác, nổi theo nhau, hành quân, đi lên phía trước.

Bài 3 : Ấn dụ

I/ Củng cố, mở rộng và nâng cao

1. Thế nào là ẩn dụ ?

Ẩn dụ là cách gọi tên sự vật, hiện tượng này bằng tên sự vật hiện khác có nét tương đồng quen thuộc nhằm tăng sức gợi hình, gợi cảm cho sự diễn đạt.

Ẩn dụ thực chất là một kiểu so sánh ngầm trong đó yếu tố so sánh giảm đi chỉ còn yếu tố làm chuẩn so sánh được nêu lên. Muốn có phép ẩn dụ thì giữa hai sự vật hiện tượng được so sánh ngầm phải có nét tương đồng quen thuộc nếu không sẽ trở nên khó hiểu.

Câu thơ:

Ngày ngày mặt trời đi qua trên lăng

Thấy một mặt trời trong lăng rất đỏ

(Viễn Phương)

Mặt trời ở dòng thơ thứ hai chính là ẩn dụ.

Hoặc

Mặt trời của bắp thì nằm trên đồi

Mặt trời của mẹ em nằm trên lưng (Nguyễn Khoa Điềm)

Ca dao có câu:

Thuyền về có nhớ bến chăng ?

Bến thì một dạ khăng khăng đợi thuyền.

Bến được lấy làm ẩn dụ để lâm thời biểu thị người có tấm lòng thủy chung chờ đợi, bởi những hình ảnh cây đa, bến nước

<http://thutrang.edu.vn>

Tiếp sức mùa thi môn Ngữ văn

Tài liệu được biên soạn bởi Cô Thu Trang
Giáo viên trường THPT Tạ Uyên- Yên Mô- Ninh Bình

thường gắn với những gì không thay đổi là đặc điểm quen thuộc ở những có người có tấm lòng thủy chung.

Ẩn dụ chính là một phép chuyển nghĩa lâm thời khác với phép chuyển nghĩa thường xuyên trong từ vựng. Trong phép ẩn dụ, từ chỉ được *chuyển nghĩa lâm thời* mà thôi.

2. Các kiểu ẩn dụ

Dựa vào bản chất sự vật hiện tượng được đưa ra so sánh ngầm, ta chia ẩn dụ thành các loại sau:

+ Ẩn dụ hình tượng là cách gọi sự vật A bằng sự vật B.

VD:

Người Cha mái tóc bạc

(Minh Huệ)

Lấy hình tượng Người Cha để gọi tên Bác Hồ.

+ Ẩn dụ cách thức là cách gọi hiện tượng A bằng hiện tượng B.

VD:

Về thăm quê Bác làng Sen

Có hàng râm bụt thắp lên lửa hồng.

(Nguyễn Đức Mậu)

Nhìn “hàng râm bụt” với những bông hoa đỏ rực tác giả tưởng như những ngọn đèn “thắp lên lửa hồng”.

+ Ẩn dụ phẩm chất là cách lấy phẩm chất của sự vật A để chỉ phẩm chất của sự vật B.

VD:

Ở bầu thì tròn, ở ống thì dài.

Tròn và dài được lâm thời chỉ những phẩm chất của sự vật B.

+ Ẩn dụ chuyển đổi cảm giác là những ẩn dụ trong đó B là một cảm giác vốn thuộc một loại giác quan dùng để chỉ những cảm giác A vốn thuộc các loại giác quan khác hoặc cảm xúc nội tâm. Nói gọn là lấy cảm giác A để chỉ cảm giác B.

VD:

Mới được nghe giọng hò dịu ngọt

Huế giải phóng nhanh mà anh lại muộn về.

(Tố Hữu) Hay:

Đã nghe rét mướt luồn trong gió

<http://thutrang.edu.vn>

Tiếp sức mùa thi môn Ngữ văn

Tài liệu được biên soạn bởi Cô Thu Trang
Giáo viên trường THPT Tạ Uyên- Yên Mô- Ninh Bình

Đã vắng người sang những chuyến đò
(Xuân Diệu)

3. Tác dụng của ẩn dụ

Ẩn dụ làm cho câu văn thêm giàu hình ảnh và mang tính hàm súc. Sức mạnh của ẩn dụ chính là mặt biểu cảm. Cùng một đối tượng nhưng ta có nhiều cách thức diễn đạt khác nhau. (thuyền – biển, mạn – đào, thuyền – bến, biển – bờ) cho nên một ẩn dụ có thể dùng cho nhiều đối tượng khác nhau. Ẩn dụ luôn biểu hiện những hàm ý mà phải suy ra mới hiểu. Chính vì thế mà ẩn dụ làm cho câu văn giàu hình ảnh và hàm súc, lôi cuốn người đọc người nghe.

VD :

Trong câu : *Người Cha mái tóc bạc*
nếu thay *Bác Hồ mái tóc bạc* thì tính biểu cảm sẽ mất đi.

1. Bài tập

Bài 1:

Phân tích nghệ thuật ẩn dụ trong câu thơ sau:

“Thân em vừa trắng lại vừa tròn” (Bánh trôi nước – Hồ Xuân Hương)

*** Gợi ý:**

- Nghĩa đen: Bánh trôi nước về màu sắc và hình dáng
- Nghĩa bóng : Hình ảnh về vẻ đẹp người phụ nữ có làn da trắng và thân hình đầy đặn .

Khi phân tích ta làm như sau : Cách sử dụng nghệ thuật ẩn dụ của nhà thơ thật tài tình vì qua hình ảnh cái bánh nhà thơ đã gợi cho người đọc hình dung được một hình ảnh khác thật sâu sắc kín đáo đó là hình ảnh ... (*nghĩa bóng*) – từ đó gợi cảm xúc cho người đọc về người phụ nữ xưa ...

Bài 2:

<http://thutrang.edu.vn>

Tiếp sức mùa thi môn Ngữ văn

Tài liệu được biên soạn bởi Cô Thu Trang
Giáo viên trường THPT Tạ Uyên- Yên Mô- Ninh Bình

Ngày ngày mặt trời đi qua trên lăng
Thấy một mặt trời trong lăng rất đỏ (Viễn Phương – Viếng
lăng Bác)

– Chỉ ra biện pháp tu từ trong hai câu thơ ?

– Phân tích giá trị biểu cảm ?

* Gợi ý:

– *Phép tu từ ẩn dụ*: Mượn hình ảnh *mặt trời* để chỉ Bác Hồ
– Cách sử dụng nghệ thuật ẩn dụ của nhà thơ thật tài tình vì qua hình ảnh “mặt trời” là một vầng thái dương “nghĩa đen”, tác giả tạo ra một hình ảnh so sánh ngầm sâu sắc, tế nhị làm cho người đọc suy nghĩ và hình dung ra được hình ảnh của Bác Hồ (nghĩa bóng) một con người rực rỡ và ấm áp như mặt trời dẫn dắt dân tộc ta trên con đường giành tự do và độc lập xây dựng tổ quốc công bằng dân chủ văn minh từ đó tạo cho người đọc một tình cảm yêu mến khâm phục vị lãnh tụ kính yêu của dân tộc chúng ta.

Website của Thu Trang, giáo viên trường THPT Tạ Uyên ,Yên Mô, Ninh Bình

Bài 4: Hoán dụ

I. Khái niệm

– Hoán dụ là tên gọi sự vật, hiện tượng, khái niệm bằng tên của sự vật hiện tượng, khái niệm khác có quan hệ gần gũi với nó nhằm tăng sức gợi hình, gợi cảm cho sự diễn đạt.

– Có bốn kiểu hoán dụ thường gặp:

+ Lấy một bộ phận để gọi toàn thể.

+ Lấy vật chứa đựng để gọi vật bị chứa đựng.

+ Lấy dấu hiệu của sự vật để gọi sự vật.

+ Lấy cái cụ thể để gọi cái trừu tượng.

<http://thutrang.edu.vn>

Tiếp sức mùa thi môn Ngữ văn

Tài liệu được biên soạn bởi Cô Thu Trang
Giáo viên trường THPT Tạ Uyên- Yên Mô- Ninh Bình

II. Bài tập.

Tìm và phân tích các hoán dụ trong các ví dụ sau:

1. *Chồng ta áo rách ta thương*
Chồng người áo gấm xông hương mặc người.
(Ca dao)

1. *Sen tàn cúc lại nở hoa*
Sầu dài ngày ngắn đông đà sang xuân
(Nguyễn Du)

1. *Một viên gạch hồng, Bác chống lại cả một mùa băng giá...*
(Chế Lan Viên)

Gợi ý:

* a. “áo rách” là hoán dụ lấy quần áo (áo rách) để thay cho con người (người nghèo khổ).

“áo gấm” cũng là hoán dụ lấy quần áo (áo gấm) để thay cho con người (người giàu sang, quyền quý).

* b. “Sen” là hoán dụ lấy loài hoa đặc trưng (hoa sen) để chỉ mùa (mùa hạ).

Cúc” là hoán dụ lấy loài hoa đặc trưng (hoa cúc) để chỉ mùa (mùa thu).

– Chỉ với hai câu thơ nhưng Nguyễn Du đã diễn đạt được bốn mùa chuyển tiếp trong một năm, mùa hạ đi qua mùa thu lại đến rồi mùa thu kết thúc, đông bước sang, đông tàn, xuân lại ngự trị.

* c. “Viên gạch hồng” là hoán dụ lấy đồ vật (viên gạch hồng) để biểu trưng cho nghị lực thép, ý chí thép của con người. (Bác Hồ vĩ đại).

– “Băng giá” là hoán dụ lấy hiện tượng tiêu biểu (cái lạnh ở Pa-ri) để gọi thay cho mùa (mùa đông)

Bài 5. Điệp ngữ.

<http://thutrang.edu.vn>

Tiếp sức mùa thi môn Ngữ văn

Tài liệu được biên soạn bởi Cô Thu Trang
Giáo viên trường THPT Tạ Uyên- Yên Mô- Ninh Bình

1. Khái niệm.

- Điệp ngữ là nhắc đi nhắc lại một từ, một ngữ trong câu văn, đoạn văn, câu thơ, đoạn thơ...
- Điệp ngữ vừa để *nhấn mạnh ý* vừa tạo cho câu văn, câu thơ, đoạn văn, đoạn thơ giàu *âm điệu*, giọng văn trở nên *thả thiết*, *nhịp nhàng* hoặc *hào hùng mạnh mẽ*.

Ví dụ:

*Trời xanh đây là của chúng ta
Núi rừng đây là của chúng ta
Những cánh đồng thơm ngát
Những ngả đường bát ngát
Những dòng sông đỏ nặng phù sa*

– Các loại điệp ngữ:

- + Điệp ngữ cách quãng.
- + Điệp ngữ nối tiếp.
- + Điệp ngữ chuyển tiếp (điệp ngữ vòng)

Ví dụ:

*Anh đã tìm em rất lâu, rất lâu
Cô gái ở Thạch Kim, Thạch Nhọn
Khăn xanh, khăn xanh phơi đầy lán sớm
Sách giấy mở tung trắng cả rừng chiều.
= ĐN cách quãng
Chuyện kể từ những nỗi nhớ sâu xa
Thương em, thương em, thương em biết mấy
= ĐN nối tiếp
(Phạm Tiến Duật)*

Cùng trông lại mà cùng chẳng thấy

Thấy xanh xanh những mấy ngàn dâu

<http://thutrang.edu.vn>

Tiếp sức mùa thi môn Ngữ văn

Tài liệu được biên soạn bởi Cô Thu Trang
Giáo viên trường THPT Tạ Uyên- Yên Mô- Ninh Bình

Ngàn dâu xanh ngắt một màu
Lòng chàng ý thiếp ai sầu hơn ai.
= ĐN vòng tròn
(Chinh phụ ngâm)

* **Lưu ý:** Điệp ngữ khác với *cách nói, cách viết lặp* do nghèo nàn về vốn từ, do không nắm chắc cú pháp nên nói và viết lặp, đó là một trong những lỗi cơ bản về câu.

Bài 6. Chơi chữ.

I. Khái niệm.

– Chơi chữ là cách vận dụng ngữ âm, ngữ nghĩa của từ để tạo ra những cách hiểu bất ngờ, thú vị.

1. Một số kiểu chơi chữ thường gặp:

* Dùng từ gần nghĩa, đồng nghĩa để chơi chữ...

Nửa đêm, giờ tí, canh ba

Vợ tôi, con gái, đàn bà, nữ nhi

* Dùng từ đồng nghĩa, trái nghĩa:

Trăng bao nhiêu tuổi trăng già

Núi bao nhiêu tuổi gọi là núi non.

* Dùng lối nói lái:

Mang theo một cái phong bì

Trong đựng cái gì, đựng cái **đầu tiên**.

Hay: Con gái là **cái bòn**...

* Dùng từ đồng âm:

Bà già đi chợ Cầu Đông

Bói xem một quẻ lấy chồng **lợi** chăng?

Thầy bói xem quẻ nói rằng

<http://thutrang.edu.vn>

Tiếp sức mùa thi môn Ngữ văn

Tài liệu được biên soạn bởi Cô Thu Trang
Giáo viên trường THPT Tạ Uyên- Yên Mô- Ninh Bình

Lợi thì có **lợi** nhưng rằng không còn!

Hoặc:

Hỡi cô cắt cỏ bên sông

*Có muốn ăn nhãn thì **lòng** sang đây* (Ca dao)

– Từ tên một loại nhãn nổi tiếng ngon, ngọt, mát bổ (*nhãn lòng*) thế mà chàng trai lém lỉnh nọ đã khéo léo vận dụng để trêu chọc cô bạn gái rằng hãy chạy tể sang đây (*lòng sang sông!*) anh mới cho ăn nhãn... Ca dao xưa hóm thật!

– Các lời chơi chữ: Văn thơ trào phúng, ca dao, chèo cổ (vai hề) thường sử dụng nhiều lời chơi chữ rất độc đáo.

Các hình thức lập luận của đoạn văn:

Diễn dịch; Song hành; Qui nạp...

Các hình thức đoạn văn: Diễn dịch, Quy nạp, tổng -phân -hợp, nêu phản đề, so sánh, phân tích nhân quả, vấn đáp là gì ?

Bài học hôm nay cô Thu Trang sẽ hướng dẫn các em phân biệt các hình thức trình bày đoạn văn. Có nhiều cách trình bày, trong đó có 7 cách chính sau: Diễn dịch, Quy nạp, tổng -phân -hợp, nêu phản đề, so sánh, phân tích nhân quả, vấn đáp

1. Diễn dịch

Diễn dịch là từ một chân lí chung, quy luật chung mà suy ra các hệ luận, các biểu hiện cụ thể.

Ví dụ :

Đau thương bao giờ cũng là nguồn cảm hứng nhân đạo chủ nghĩa lớn lao của văn học nghệ thuật. Nguyễn Du, Tônxtôi, Lỗ Tấn... đã trở thành những nghệ sĩ lớn trước hết là vì hơn bất cứ ai họ đã thông cảm sâu sắc và đau đớn da diết những nỗi đau nhân tình trong thời đại họ...

(Hoàng Ngọc Hiến)

Câu thứ nhất là một nguyên lí phổ biến {bao giờ cũng là). Câu thứ hai là một nhận định mới về các nhà văn cụ thể được suy ra từ quan điểm của câu thứ nhất (nhấn mạnh trước hết).

<http://thutrang.edu.vn>

Tiếp sức mùa thi môn Ngữ văn

Tài liệu được biên soạn bởi Cô Thu Trang
Giáo viên trường THPT Tạ Uyên- Yên Mô- Ninh Bình

2. Quy nạp

Quy nạp là từ những chứng cứ cụ thể mà rút ra những nhận định tổng quát. Ví dụ :

Bộ Sử kí Tư Mã Thiên mà các nhà nho vẫn công nhận làm kiểu mẫu văn hay kia, nếu không phát sinh từ trong buồng gan uất ức của ông “Thái sử” thì ở đâu ra ? Gần chúng ta hơn là các nhà tiền bối như là Nguyễn Du, Cao Bá Nhạ, Nguyễn Công Trứ Yên Đỗ, Tú Xương, Phan Sào Nam, Nguyễn Khắc Hiếu cũng vậy. Những câu văn mà hiện còn truyền tụng cũng đều biểu hiện những) buồng tim đã chán chê hay tê tái với thế cuộc nhân tình : Không có một khối óc sôi nổi, không có một thể giới quan, nhân sinh quan sinh động thì không thể sản sinh được một áng danh văn.

(Đặng Thai Mai)

Phần đầu, tác giả nêu lên các luận cứ cụ thể, và phần cuối, quy nạp thành luận điểm.

3. Phôi hợp diễn dịch với quy nạp (tổng – phân – hợp)

Ví dụ : Trong hoàn cảnh “trăm dâu đổ đầu tằm”, ta càng thấy chị Dậu thật là một người phụ nữ đảm đang, tháo vát. Một mình chị phải giải quyết mọi khó khăn đột xuất của gia đình, phải đương đầu với những thế lực tàn bạo : quan lại, cường hào, địa chủ và tay sai của chúng. Chị có khóc lóc, có kêu trời, nhưng chị không nhắm mắt khoanh tay, mà tích cực tìm cách cứu được chồng ra khỏi cơn hoạn nạn. Hình ảnh chị Dậu hiện lên vững chãi như một chỗ dựa chắc chắn của cả gia đình.

(Theo Nguyễn Đăng Mạnh)

Câu mở đầu đoạn văn trên nêu lên một nhận định chung về nhân vật. Hai câu khai triển đoạn đưa ra các biểu hiện cụ thể minh họa cho nhận định chung ấy. Từ những chứng cứ cụ thể này, câu kết đoạn đúc kết thành một nhận định mới vừa phù hợp với nhận định ban đầu, vừa được nâng cao hơn. Đó là mô hình tổng hợp – phân tích – tổng hợp (tổng – phân – hợp).

<http://thutrang.edu.vn>

Tiếp sức mùa thi môn Ngữ văn

Tài liệu được biên soạn bởi Cô Thu Trang
Giáo viên trường THPT Tạ Uyên- Yên Mô- Ninh Bình

Mô hình tổng – phân – hợp cũng thường là mô hình cấu tạo của toàn bài văn nghị luận.

4. Nêu phản đề

Nêu phản đề là nêu ra một luận điểm giả định và phát triển nó cho đến tận cùng để chứng tỏ đó là luận điểm sai và từ đó mà khẳng định luận điểm của mình. Đây là cách lật ngược vấn đề để xem xét. Ví dụ :

Giả sử, nếu không có Thơ mới thì sau Cách mạng tháng Tám, tình hình thơ ca sẽ ra thế nào ? Chắc chắn là từ các thể thơ cũ, bát cú, tuyệt cú, cổ phong mà nhảy vọt lên để sớm có được những thành tựu như của Tố Hữu, Nguyễn Đình Thi, Chính Hữu... trong kháng chiến lần thứ nhất, là chuyện khó quan niệm nổi. Lịch sử là sợi dây chuyền mà mỗi khâu trong đó đều có vai trò trong quá trình phát triển.

(Lê Đình Kỵ)

5. So sánh

a) So sánh tương đồng (loại suy)

So sánh tương đồng là từ một chân lí đã biết suy ra một chân lí tương tự, có chung một logic bên trong. Ví dụ :

“Tất cả mọi người đều sinh ra có quyền bình đẳng. Tạo hóa cho họ những quyền không ai có thể xâm phạm được”; trong những quyền ấy, có quyền được sống, quyền tự do và quyền mưu cầu hạnh phúc”.

Lời bất hủ ấy trong bản Tuyên ngôn độc lập năm 1776 của nước Mỹ. Suy rộng ra, câu ấy có ý nghĩa là : tất cả các dân tộc trên thế giới đều sinh ra bình đẳng ; dân tộc nào cũng có quyền sống, quyền sung sướng và quyền tự do

(Hồ Chí Minh)

b) So sánh tương phản

So sánh tương phản là đối chiếu các mặt trái ngược nhau để làm nổi bật luận điểm.

<http://thutrang.edu.vn>

Tiếp sức mùa thi môn Ngữ văn

Tài liệu được biên soạn bởi Cô Thu Trang
Giáo viên trường THPT Tạ Uyên- Yên Mô- Ninh Bình

Ví dụ, để bênh vực cho sự xuất hiện của Thơ mới, diễn đạt những tình cảm mới mang màu sắc riêng của thời đại, Lưu Trọng Lư viết :

Các cụ ưa những màu đỏ choét, ta lại ưa những màu xanh nhạt... Các cụ băng khuâng vì tiếng trùng đêm khuya, ta nao nao vì tiếng gà lúc đung ngo. Nhìn một cô gái xinh xắn, ngây thơ, các cụ coi như đã làm một việc tội lỗi, ta thì cho là mát mẻ như đứng trước một cánh đồng xanh. Cái ái tình của các cụ thì chỉ là sự hôn nhân, nhưng đối với ta thì trăm hình muôn trạng : cái tình say đắm, cái tình thoáng qua, cái tình gần gũi, cái tình xa xôi..., cái tình trong giây phút, cái tình ngàn thu...

6. Phân tích nhân quả

a. Trình bày nguyên nhân trước, chỉ ra kết quả sau. Ví dụ :

Câu chuyện lẽ ra chấm hết ở đó, nhưng dân chúng không chịu nhận cái tình thế đau đớn ấy, và có đem một nét huyền ảo để an ủi ta. Vì thế mới có đoạn thứ hai, kể chuyện nàng Trương xuống thủy cung, và sau lại còn gặp mặt chồng một lần nữa.

(Nguyễn Đình Thi)

b. Chỉ ra kết quả trước, trình bày nguyên nhân sau. Ví dụ ‘

Tính nhân dân bộc lộ một cách trực tiếp và dễ thấy nhất trong văn học dân gian, vì đây là những sáng tác tập thể, truyền miệng, “vô danh” của chính quần chúng, phản ánh chủ yếu sinh hoạt của những người lao động, nói lên tư tưởng, tình cảm của họ, thể hiện cách suy nghĩ, cách diễn đạt, lời ăn tiếng nói của họ.

(Nguyễn Văn Hạnh)

c) Trình bày hàng loạt sự việc theo quan hệ nhân quả liên hoàn.

Ví dụ :

Muốn xây dựng chủ nghĩa xã hội thì phải tăng gia sản xuất. Muốn tăng gia sản xuất tốt thì phải có kĩ thuật cải tiến. Muốn sử dụng tốt kĩ thuật thì phải có văn hóa. Vì vậy, công việc bổ túc văn hóa là cực kì cần thiết.

<http://thutrang.edu.vn>

Tiếp sức mùa thi môn Ngữ văn

Tài liệu được biên soạn bởi Cô Thu Trang
Giáo viên trường THPT Tạ Uyên- Yên Mô- Ninh Bình

(Hồ Chí Minh)

7. Vấn đáp

Vấn đáp là nêu câu hỏi rồi trả lời hoặc để người đọc tự trả lời.

Ví dụ :

Những câu thơ này của Nguyễn Du :

Một vùng cỏ áy bóng tà

Gió hiu hiu thổi một và bông lau

thì có quan hệ gì với “đạo đức ?” Câu thơ tưởng như chẳng dính líu gì đến đạo đức cả. Nó không dạy cho người ta phải làm việc này thiện, việc kia thiện. Nhưng một câu thơ như thế làm cho người ta nhìn thấy cảnh mà động lòng thương, nó cho ta thấy ngọn “gió hiu hiu thổi” và cảm thấy đằng sau đó còn có cái gì nữa.

Con người đã giàu lòng thông cảm như thế, đã động lòng được với từng ngọn cỏ, lá cây, thì làm sao mà không động lòng thương những nỗi khổ của con người được ?

(Nguyễn Đình Thi)

Câu hỏi trước nêu vấn đề. Câu hỏi sau đã hàm chứa một câu trả lời, bởi vì không dễ trả lời phủ định được

Các thể thơ thường gặp và cách đơn giản để nhận biết

Thơ năm chữ(Ngũ ngôn)Thơ ngũ ngôn có độ dài ngắn khác nhau nhưng được chia thành nhiều khổ nhỏ, mỗi khổ gồm 4 dòng thơ. Nhận biết dễ nhất là dựa vào số câu số chữ: mỗi câu có 5 chữ

2.Song Thất Lục Bát

Thể thơ Song Thất Lục Bát này là của riêng Việt nam ta, cho nên luật thơ không gò bó theo các kiểu thơ khác .Thơ Song Thất Lục Bát gồm mỗi đoạn có 4 câu, hai câu đầu là Song Thất, có nghĩa là mỗi câu có 7 chữ, hai câu cuối là Lục, Bát, câu thứ ba sáu chữ, câu thứ 4 tám chữ.

<http://thutrang.edu.vn>

Tiếp sức mùa thi môn Ngữ văn

Tài liệu được biên soạn bởi Cô Thu Trang
Giáo viên trường THPT Tạ Uyên- Yên Mô- Ninh Bình

3. Lục

Bát

Lục Bát là loại thơ một câu sáu chữ rồi đến một câu tám chữ cứ thế nối liền nhau. Bài thơ lục bát thông thường được bắt đầu bằng câu lục và kết thúc bằng câu bát. Lục Bát là thể thơ thông dụng nhất, cách nhận biết đơn giản là đếm số chữ trong mỗi dòng thơ

4. Đường Luật (Đường luật có nhiều loại: Thất ngôn bát cú, thất ngôn tứ tuyệt,) Nhận biết :Bố Cục Của Thơ

Đường Luật

Trong thơ Thất ngôn bát cú Đường Luật, mỗi một câu đều có chức năng của nó:

Câu 1 và 2 là phá đề và thừa đề.

Câu 3 và 4 là Thực hay Trạng, dùng để giải thích hoặc đưa thêm chi tiết bổ nghĩa đề bài cho rõ ràng

Câu 5 và 6 là Luận, dùng để bàn luận cho rộng nghĩa hay cũng có thể dùng như câu 3 và 4

Câu 7 và 8 là Kết, kết luận ý của bài thơ. Điểm khó nhất trong Đường Thi là câu số ba và câu số bốn, bởi vì hai câu này được gọi là hai câu Thực và hai câu năm và câu sáu là hai câu Luận, hai cặp câu này luôn luôn đối nhau, Danh Từ đối Danh Từ, Động Từ đối Động Từ, Tính Từ đối Tính Từ, quan trọng hơn cả là hai câu 5,6 phải đối ý với hai câu 3,4 hoặc bổ sung cho ý của câu 3,4 .Thơ thất ngôn tứ tuyệt có 4 câu, mỗi câu có 7 chữ. Nó là 1 nửa của bài thất ngôn Bát cú. Niêm luật cũng chặt chẽ

5. Thơ bốn chữ , thơ sáu chữ, thơ bảy chữ, thơ tám chữ: Nhận biết đơn giản, dựa vào số chữ trong 1 dòng thơ.

Mỗi loại có quy định riêng về Vần, luật (Cụ thể cô sẽ nói ở bài viết sau nhé)

6. Thơ tự do : Đúng như cái tên của nó : không bị gò bó bởi số câu số chữ, niêm , luật, vần, đối, ... Nhận biết thơ tự do rất đơn giản : đếm số chữ trong 1 dòng thơ, dòng nhiều dòng ít không gò bó, và không bắt buộc theo quy luật như các thể thơ khác. (Lục bát cũng dòng 6 dòng 8 nhưng nó cứ luân phiên theo quy luật)

(7....còn nữa)

<http://thutrang.edu.vn>

Tiếp sức mùa thi môn Ngữ văn

Tài liệu được biên soạn bởi Cô Thu Trang
Giáo viên trường THPT Tạ Uyên- Yên Mô- Ninh Bình

Các thao tác nghị luận

Câu hỏi phần đọc hiểu rất rộng, trong đó thường có câu: *văn bản trên sử dụng thao tác nghị luận nào?* Để trả lời tốt câu hỏi này các em cần ôn lại lí thuyết về các thao tác nghị luận.

Khái niệm thao tác nghị luận?

Khái niệm thao tác nghị luận dùng để chỉ những hoạt động nghị luận được thực hiện theo đúng các qui trình và các yêu cầu kĩ thuật nhất định.

Một số thao tác nghị luận cụ thể:

– Có nhiều thao tác nghị luận khác nhau. Những thao tác thường gặp nhất là:

+ **Phân tích:** Dem chia điều cần bàn luận thành các mặt, các bộ phận, các nhân tố để xem xét một cách kĩ càng, cặn kẽ.

+ **Tổng hợp:** Dem các mặt, các nhân tố riêng rẽ của điều cần bàn luận kết hợp lại thành một chỉnh thể thống nhất. sau đó đưa ra nhận xét, đánh giá khái quát về vấn đề

+ **Quy nạp:** Từ nhiều cái riêng suy ra cái chung, từ nhiều sự vật cá biệt suy ra nguyên lí phổ biến. ->> câu chủ đề nằm ở cuối đoạn

+ **Diễn dịch:** Từ cái chung, cái phổ biến, suy ra kết luận về những cái riêng, có tính cá biệt, đặc thù.- >> câu chủ đề nằm ở đầu đoạn

+ **So sánh:** Đối chiếu hai (hoặc hơn hai) sự vật có liên quan với nhau theo những tiêu chuẩn nhất định, nhằm xác định sự giống nhau, khác nhau và các mối liên hệ giữa chúng, từ đó hình thành nhận thức về sự vật. So sánh còn nhằm mục đích tìm ra sự hơn kém, nổi trội của đối tượng. Trong văn chương, so sánh còn có nhiều tác dụng tu từ

Như vậy để có thể bàn luận thành công, người làm văn cần vận dụng các thao tác phù hợp với mục đích nghị luận và đặc điểm của từng thao tác.

Luyện tập về các thao tác nghị luận:

Bài 1- Trong đoạn văn dẫn dưới đây, tác giả đã sử dụng thao tác nghị luận cụ thể nào?

<http://thutrang.edu.vn>

Tiếp sức mùa thi môn Ngữ văn

Tài liệu được biên soạn bởi Cô Thu Trang
Giáo viên trường THPT Tạ Uyên- Yên Mô- Ninh Bình

Như nước Đại Việt ta từ trước,
Vốn xưng nền văn hiến đã lâu.
Núi sông, bờ cõi đã chia,
Phong tục Bắc Nam cũng khác.
Từ Triệu, Đinh, Lí, Trần bao đời gây nền độc lập,
Cùng Hán, Đường, Tống, Nguyên mỗi bên xưng đế một phương.
Tuy mạnh yếu nhiều lúc khác nhau,
Song hào kiệt đời nào cũng có.

Vậy nên:

Lưu Cung tham công nên thất bại
Triệu Tiết thích lớn phải tiêu vong
Cửa Hàm Tử bắt sống Toa Đô,
Sông Bạch đằng giết tươi Ô Mã.
Việc xưa xem xét,
Chứng cứ còn ghi.
(Bình Ngô Đại cáo-Nguyễn trãi)

Gợi ý:

1. Từ đầu => Song hào kiệt...: tác giả đã chứng minh cho luận điểm “Nước đại Việt ta thực sự là một nước độc lập, có chủ quyền”, bằng cách chia luận điểm đó thành các mặt, rồi xem xét kĩ càng từng mặt.

- Có nền văn hiến lâu đời

- Có núi sông, bờ cõi riêng

– Văn hoá, phong tục khác biệt

– Người anh hùng tài giỏi khiến Tổ quốc bao đời nay có thể làm một phương (các đế nhất phương) trường tồn trong lịch sử

=> Thao tác **phân tích**.

2. Trong nửa sau đoạn trích, tác giả đã dẫn ra một loạt chiến công oanh liệt khác nhau ở các thời đại khác nhau, rồi khẳng định danh thép một điểm chung: đó là những chứng cứ hiển nhiên, còn ghi khắc trong quá khứ.

<http://thutrang.edu.vn>

Tiếp sức mùa thi môn Ngữ văn

Tài liệu được biên soạn bởi Cô Thu Trang
Giáo viên trường THPT Tạ Uyên- Yên Mô- Ninh Bình

=> Thao tác **qui nạp**.

3. Hai nửa đoạn trích được nối với nhau bằng từ “*Vậy nên*”.

Tác giả đã thực hiện quá trình suy luận đi từ nguyên lí chung đến hệ quả không thể nào bác bỏ: Một đất nước đã có truyền thống văn hiến như nước Đại Việt tất yếu phải chiến thắng oanh liệt giặc ngoại xâm

= > Vậy **diễn dịch** chính là thao tác chủ yếu được sử dụng trong đoạn trích này.

Bài tập 2:

Viết một bài (hoặc một đoạn) văn nghị luận), đề tài tự chọn; trong đó sử dụng ít nhất 2 trong 5 thao tác đã học

Bài tập 3: phân tích hiệu quả của biện pháp so sánh trong những câu thơ sau (Tố Hữu)

Từ ấy trong tôi bừng nắng hạ
Mặt trời chân lý chói qua tim
Hồn tôi là một vườn hoa lá
Rất đậm hương và rộn tiếng chim.

Gợi ý: so sánh hồn tôi- vườn hoa lá

Lấy cái cụ thể (*vườn hoa lá*) để so sánh với cái trừu tượng (*tâm hồn tôi*) nhằm mục đích diễn tả cụ thể niềm vui sướng hân hoan khi được kết nạp Đảng->> *Từ ấy* tôi sống vui tươi hơn, có ý nghĩa hơn

Tài liệu được biên soạn bởi Cô Thu Trang
Giáo viên trường THPT Tạ Uyên- Yên Mô- Ninh Bình

Rèn kĩ năng viết đoạn văn trong đề đọc hiểu môn văn

Đề đọc hiểu thường có một câu hỏi yêu cầu học sinh viết đoạn văn trình bày suy nghĩ, nêu cảm nhận của bản thân về vấn đề liên quan đến văn bản được trích dẫn. Bài học hôm nay cô Thu Trang hướng dẫn các em cách viết đoạn văn trong đề đọc hiểu. Bài viết có 2 phần :

1. Cách viết đoạn văn trong đề đọc hiểu môn văn
2. Câu hỏi và bài tập minh họa

I. Cách viết đoạn văn trong đề đọc hiểu môn văn

.@. Trước hết, chúng ta ôn lại lí thuyết về đoạn văn:

Thế nào là một đoạn văn? Về nội dung, đoạn văn là một phần của văn bản, nó diễn đạt ý hoàn chỉnh ở một mức độ nào đó logic ngữ nghĩa, có thể nắm bắt được một cách tương đối dễ dàng. Về hình thức, đoạn văn luôn luôn hoàn chỉnh. Sự hoàn chỉnh đó thể hiện ở những điểm sau: Một đoạn văn được bắt đầu từ chữ cái viết hoa lùi đầu dòng đến chỗ chấm xuống dòng.

1 . Để viết được một đoạn văn hay, trước tiên các em cần xác định rõ yêu cầu của đề: Đề bài yêu cầu viết về cái gì? (nội dung của đoạn văn), viết trong bao nhiêu dòng? (dung lượng), sau đó tiến hành tìm ý cho đoạn văn . Tức là chúng ta xác định sẽ viết những gì? Tùy thuộc yêu cầu của đề , các em có thể ghi ra giấy nháp những ý chính của đoạn văn. Việc tìm ý cho đoạn văn sẽ giúp học sinh hình dung được những ý chính cần viết, tránh tình trạng viết lan man dài dòng, không trọng tâm.

Ví dụ:

Bà lão cúi đầu nín lặng. Bà lão hiểu rồi. Lòng người mẹ nghèo khổ ấy còn hiểu ra biết bao nhiêu cơ sự, vừa ai oán vừa xót thương cho số kiếp đứa con mình. Chao ôi, người ta dựng vợ gả chồng cho con là lúc trong nhà ăn nên làm nổi, những mong sinh con để cái mở mặt sau này. Còn mình thì... Trong kẽ mắt kèm nhèm của bà rỉ xuống hai dòng nước mắt... Biết rằng

<http://thutrang.edu.vn>

Tiếp sức mùa thi môn Ngữ văn

Tài liệu được biên soạn bởi Cô Thu Trang
Giáo viên trường THPT Tạ Uyên- Yên Mô- Ninh Bình

chúng nó có nuôi nổi nhau sống qua được cơn đói khát này không? (Trích Vợ nhặt-Kim Lân)

Từ văn bản, viết đoạn văn bày tỏ suy nghĩ về tình mẫu tử.

Hướng dẫn: Đoạn văn cần đảm bảo các ý:

- Dẫn ý bằng chính dòng độc thoại nội tâm xúc động của bà cụ Tứ.
- Tình mẫu tử gì? Biểu hiện của tình mẫu tử?
- Ý nghĩa của tình mẫu tử?
- Phê phán những đứa con bất hiếu với mẹ và nêu hậu quả.
- Bài học nhận thức và hành động?

2 . Viết đoạn văn theo yêu cầu của đề

+ Sau khi tìm được những ý chính cho đoạn văn, chúng ta tiến hành viết câu mở đầu. Câu mở đầu có nhiệm vụ dẫn dắt vấn đề. Đối với đoạn văn trong đề đọc hiểu, các em nên dẫn dắt từ nội dung của văn bản được trích dẫn. Đoạn văn có thể

trình bày theo nhiều cách khác nhau, nhưng cách đơn giản nhất là trình bày theo kiểu diễn dịch, tức là câu chủ đề nằm ở đầu đoạn. Các câu sau triển khai ý cho câu mở đầu.

+ Viết các câu nối tiếp câu mở đầu : Dựa vào các ý chính vừa ghi trên giấy nháp, chúng ta tiến hành viết đoạn văn. Lưu ý cách diễn đạt và lỗi chính tả.

+ Viết câu kết của đoạn văn : Câu kết của đoạn có nhiệm vụ kết thúc vấn đề. Dù đoạn văn dài hay ngắn thì câu kết cũng giữ vai trò quan trọng, để lại ấn tượng cho người đọc. Câu kết có thể nêu cảm xúc cá nhân, mở rộng vấn đề, hoặc tóm lược vấn đề vừa trình bày

+ Về dung lượng , đoạn văn cần đảm bảo yêu cầu của đề bài. Tất nhiên thầy cô giám khảo không ai ngồi đếm từng dòng, bởi vậy chúng ta được phép viết dài hơn hoặc ngắn hơn 1-2 dòng.

<http://thutrang.edu.vn>

Tiếp sức mùa thi môn Ngữ văn

Tài liệu được biên soạn bởi Cô Thu Trang
Giáo viên trường THPT Tạ Uyên- Yên Mô- Ninh Bình

Các em đừng quá lo lắng về dung lượng. Đoạn văn viết đủ ý, sâu sắc thì dù có vượt ngưỡng một vài dòng cũng vẫn được điểm cao.

Lưu ý: Nêu bài viết yêu cầu nêu quan điểm, cảm nhận của cá nhân. Các em có thể trình bày quan điểm cá nhân nhưng phải thể hiện được quan điểm và thái độ riêng, sâu sắc nhưng không trái với chuẩn mực đạo đức và pháp luật. Có nhiều cách diễn đạt độc đáo và sáng tạo (viết câu, sử dụng từ ngữ, hình ảnh và các yếu tố biểu cảm,...) .

I. Bài tập minh hoạ

Bài tập 1 :

Chẳng hạn : Đề bài yêu cầu đọc hiểu về đoạn thơ trong Trường ca “Những người đi tới biển” – Thanh Thảo, sau đó yêu cầu viết đoạn văn khoảng 10-15 dòng về trách nhiệm của thanh niên với đất nước.

*Chúng tôi đã đi không tiếc đời mình
Tuổi hai mươi làm sao không tiếc?
Nhưng ai cũng tiếc tuổi hai mươi thì còn chi Tổ Quốc?*
(Trường ca “Những người đi tới biển” – Thanh Thảo)

Đoạn văn có các ý sau :

+ Câu mở đầu dẫn dắt vấn đề : Những câu thơ trên của Thanh Thảo nhắc nhở thế hệ trẻ chúng ta hôm nay: Bất cứ thời đại nào, mỗi con người chúng ta nhất là thế hệ thanh niên cũng luôn phải ý thức vai trò trách nhiệm của mình đối với đất nước.

+ Các ý chính của đoạn : có thể tham khảo một số gợi ý sau :

-Thế hệ trẻ phải xác định tư tưởng, tình cảm, lí tưởng sống của mình

– Yêu quê hương đất nước, tự hào tự tôn dân tộc, có ý thức bảo vệ chủ quyền lãnh thổ của dân tộc

<http://thutrang.edu.vn>
Tiếp sức mùa thi môn Ngữ văn

Tài liệu được biên soạn bởi Cô Thu Trang
Giáo viên trường THPT Tạ Uyên- Yên Mô- Ninh Bình

– Lao động, học tập để khẳng định bản lĩnh, tài năng cá nhân và phục vụ công hiến cho đất nước, sẵn sàng có mặt khi Tổ Quốc cần.

-Phải rèn luyện sức khỏe để có khả năng cống hiến và bảo vệ đất nước

-Quan tâm theo dõi đến tình hình chung của đất nước, tỉnh táo trước hành động của mình không bị kẻ xấu lợi dụng

-Thời đại ngày nay, thanh niên cần lên án và đấu tranh tham gia ngăn chặn các hành vi vi phạm xâm phạm chủ quyền biển, hải đảo thiêng liêng của Tổ Quốc

+ Câu cuối bàn bạc mở rộng vấn đề, nhấn mạnh trách nhiệm của thanh niên với đất nước.

Ta có đoạn văn sau :

Những câu thơ trên của Thanh Thảo nhắc nhở thế hệ trẻ chúng ta hôm nay: Bất cứ thời đại nào, mỗi con người chúng ta nhất là thế hệ thanh niên cũng luôn phải ý thức vai trò trách nhiệm của mình đối với đất nước. Trước tiên thế hệ trẻ phải xác định tư tưởng, tình cảm, lí tưởng sống của mình: yêu quê hương đất nước, tự hào tự tôn dân tộc, có ý thức bảo vệ chủ quyền lãnh thổ của dân tộc; lao động, học tập để khẳng định bản lĩnh, tài năng cá nhân và phục vụ công hiến cho đất nước, sẵn sàng có mặt khi Tổ Quốc cần. Thời đại ngày nay, xu thế toàn cầu là xu thế hội nhập, khoa học kĩ thuật phát triển với tốc độ cao, vậy thế hệ trẻ cần phải học tập tích lũy tri thức để góp phần phát triển đất nước theo kịp thời đại, hội nhập với xu thế phát triển chung của quốc tế. Bên cạnh đó, phải rèn luyện sức khỏe để có khả năng cống hiến và bảo vệ đất nước. Đồng thời thanh niên cũng cần quan tâm theo dõi đến tình hình chung của đất nước, tỉnh táo trước hành động của mình không bị kẻ xấu lợi dụng. Về vấn đề chủ quyền biển đảo, thanh niên cần hưởng ứng và tích cực các diễn đàn hợp pháp trên các phương tiện thông tin đại chúng, trên Internet, khẳng định chủ quyền biển đảo của Việt Nam trên các diễn đàn, đồng thời kịch liệt lên án và đấu tranh tham gia ngăn

<http://thutrang.edu.vn>

Tiếp sức mùa thi môn Ngữ văn

Tài liệu được biên soạn bởi Cô Thu Trang
Giáo viên trường THPT Tạ Uyên- Yên Mô- Ninh Bình

chặn các hành vi vi phạm xâm phạm chủ quyền biển, hải đảo thiêng liêng của Tổ Quốc. Như vậy, xây dựng và bảo vệ tổ quốc là trách nhiệm thiêng liêng của thanh niên nói riêng và của mỗi con người Việt Nam nói chung.

(Đoạn văn của bạn Thế Anh, cộng tác viên website cô Thu Trang)

Bài tập 2 :

Ví dụ, trong đoạn văn bản nào đó có nội dung về người mẹ. Sẽ có một câu hỏi: viết một đoạn văn ngắn khoảng 7,8 dòng nói lên những suy nghĩ của anh/chị về đức hi sinh của Mẹ

Từ khóa của câu hỏi là “đức hi sinh”- đây cũng chính là trọng tâm của đoạn văn. Chúng ta sẽ có đoạn văn sau :

Có ai đó đã nói rằng, nếu trong gia đình ấy có những đứa con thành đạt thì chắc chắn ở đó có một người mẹ giàu đức hi sinh. Vâng! Mẹ là người đã dành hết cả đời mình vì tương lai của con. Mẹ có thể nhịn đói cho ta no, nhịn mặc cho ta có tấm áo đẹp. Mẹ là người có thể cho ta cả đôi mắt, quả tim, trái thận... chỉ mong sao cho con mình lành lặn. Khi ta khổ đau, bờ vai mẹ là bến bờ cho ta quay về. Người đời có thể bỏ rơi ta nhưng mẹ thì không bỏ con bao giờ. Bởi thế hạnh phúc nhất là còn mẹ nên chúng ta hãy nhớ :”Ai còn mẹ xin đừng làm mẹ khóc – Đừng để buồn lên mắt mẹ nghe không”.

Lưu ý: câu mở đoạn phải có từ khóa :”đức hi sinh” . Câu kết phải rút ra bài học hoặc chiêm nghiệm triết lý.

Các văn bản trong phần đọc hiểu thường lấy từ nguồn nào?

Ngữ liệu đọc hiểu là 2 đoạn văn bản có thể thuộc bất cứ loại văn bản nào, từ văn bản khoa học, báo chí, nghị luận, đến văn bản nghệ thuật... miễn là văn bản ấy được viết bằng ngôn từ. Các văn bản ấy đều không nằm trong chương trình đã học hay trong SGK mà hoàn toàn mới lạ . Các văn bản này thường được lấy từ nhiều nguồn , như các tài liệu tham khảo dành cho học sinh , tác

<http://thutrang.edu.vn>

Tiếp sức mùa thi môn Ngữ văn

Tài liệu được biên soạn bởi Cô Thu Trang
Giáo viên trường THPT Tạ Uyên- Yên Mô- Ninh Bình

phẩm của các tác giả nổi tiếng , các bài báo hay các công trình nghiên cứu có ý nghĩa....

Các em nên chú ý đến các văn bản có liên quan, hoặc đề cập đến các vấn đề sau: bảo vệ văn hóa dân tộc; thói sùng ngoại, bài ngoại, thói tham ô lãng phí; biển đảo và trách nhiệm của thế hệ trẻ với biển đảo của đất nước; Gạc Ma – vòng tròn bất tử; thời cơ thách thức của Việt Nam khi gia nhập TPP; thực phẩm bẩn đang đầu độc người dân và lương tâm con người; sự vô tâm của con người nhìn từ vụ án ở Bình Phước; ý thức con người về biến đổi khí hậu; ngập mặn, hạn hán ở Đồng bằng sông Cửu Long; vai trò của nguồn nước trong cuộc sống; virus Zi-ka; lòng tự trọng, lòng nhân ái khoan dung, lí tưởng, lễ sống, phẩm chất, sự thành đạt của tuổi trẻ, nghị lực sống của con người (qua các tấm gương Trần Lập, chú lính chì dừng cảm Nguyễn Thiện Nhân)

Cách thức trình bày đoạn văn: Diễn dịch- quy nạp- song hành- móc xích- tổng phân hợp...

Posted by Thu Trang On Tháng Mười 04, 2016 0 Comment

TRÌNH TỰ LẬP LUẬN/CÁCH THỨC TRÌNH BÀY ĐOẠN VĂN

Đoạn văn diễn dịch (Có câu chủ đề): Đoạn diễn dịch là đoạn văn trong đó câu chủ đề mang ý nghĩa khái quát đứng ở đầu đoạn, các câu còn lại triển khai cụ thể ý của câu chủ đề, bổ sung, làm rõ cho câu chủ đề. Các câu triển khai được thực hiện bằng các thao tác giải thích, chứng minh, phân tích, bình luận, có thể kèm theo nhận xét, đánh giá và bộc lộ cảm nhận của người viết.

VD:

<http://thutrang.edu.vn>
Tiếp sức mùa thi môn Ngữ văn

Tài liệu được biên soạn bởi Cô Thu Trang
Giáo viên trường THPT Tạ Uyên- Yên Mô- Ninh Bình

Một chiếc lá rụng có linh hồn riêng, một tâm tình riêng, một cảm giác riêng. Có chiếc tựa như mũi tên nhọn, từ cành cây rơi cắm phập xuống đất như cho xong chuyện, cho xong một đời lạnh lùng thản nhiên, không thương tiếc, không do dự vãn vơ. Có chiếc lá như con chim bị lão đảo mấy vòng trên không rồi cố gượng ngoi đầu lên, hay giữ thăng bằng cho tận tới cái giây nằm phơi trên mặt đất. Có chiếc lá nhẹ nhàng khoan khoái đùa bỡn, hay múa may với làn gió thoảng như thầm bảo rằng vẻ đẹp của vạn vật chỉ ở hiện tại: cả thời quá khứ dài dằng dặc của chiếc lá trên cành cây không bằng một vài giây bay lượn, nếu sự bay lượn ấy có vẻ đẹp nên thơ. Có chiếc lá như sợ hãi, ngần ngại rụt rè, rồi như gần tới mặt đất, còn cất mình muốn bay trở lại cành. Có chiếc lá đầy âu yếm rơi bám vào một bông hoa thơm, hay đến môn trón một ngọn cỏ xanh mềm mại.

(Khái Hưng)

Đoạn văn qui nạp (Có câu chủ đề): Đoạn qui nạp là đoạn văn được trình bày đi từ các ý nhỏ đến ý lớn, từ các ý chi tiết đến ý khái quát, từ ý luận cứ cụ thể đến ý kết luận bao trùm. Theo cách trình bày này, câu chủ đề nằm ở vị trí cuối đoạn. Ở vị trí này, câu chủ đề không làm nhiệm vụ định hướng nội dung triển khai cho toàn đoạn mà lại làm nhiệm vụ khép lại nội dung cho đoạn ấy. Các câu trên được trình bày bằng các thao tác lập luận, minh họa, cảm nhận và rút ra nhận xét đánh giá chung.

VD:

Những đứa con từ khi sinh ra đến khi trưởng thành, phần lớn thời gian là gần gũi và thường là chịu ảnh hưởng từ người mẹ

<http://thutrang.edu.vn>
Tiếp sức mùa thi môn Ngữ văn

Tài liệu được biên soạn bởi Cô Thu Trang
Giáo viên trường THPT Tạ Uyên- Yên Mô- Ninh Bình

hơn từ cha. Chúng được mẹ cho bú sữa, bông ẵm, dỗ dành, tắm giặt, ru ngủ, cho ăn uống, chăm sóc rất nhiều khi ốm đau... Với việc nhận thức thông qua quá trình bé tự quan sát, học hỏi tự nhiên hàng ngày và ảnh hưởng đặc biệt các đức của người mẹ, đã hình thành dần dần bản tính của đứa con theo kiểu “mưa dầm, thấm lâu”. Ngoài ra, những đứa trẻ thường là thích bắt chước người khác thông qua những hành động của người gần gũi nhất chủ yếu là người mẹ. Chính người phụ nữ là người chăm sóc và giáo dục con cái chủ yếu trong gia đình.

(Trần Thanh Thảo)

Đoạn tổng – phân – hợp (Có câu chủ đề ở đầu và cuối đoạn văn): Đoạn tổng – phân – hợp là đoạn văn phối hợp diễn dịch với qui nạp. Câu mở đầu đoạn nêu ý khái quát bậc một, các câu tiếp theo triển khai cụ thể ý khái quát. Câu kết đoạn là ý khái quát bậc hai mang tính chất nâng cao, mở rộng. Những câu triển khai ý được thực hiện bằng các thao tác giải thích, chứng minh, phân tích, bình luận, nhận xét, đánh giá hoặc nêu suy nghĩ... để từ đó đề xuất nhận định đối với chủ đề, tổng hợp, khẳng định, nâng cao vấn đề.

VD:

Thế đấy, biển luôn luôn thay đổi màu tùy theo sắc mây trời. Trời xanh thẳm, biển cũng xanh thẳm, như dâng cao lên, chắc nịch. Trời rải mây trắng nhạt, biển mơ màng dịu hơi sương. Trời âm u mây mưa, biển xám xịt, nặng nề. Trời ầm ầm dông gió, biển đục ngầu giận dữ... Như một con người biết buồn vui, biển lúc tẻ nhạt, lạnh lung, lúc sôi nổi, hả hê, lúc đăm chiêu, gắt gỏng.

(Vũ Tú Nam)

<http://thutrang.edu.vn>
Tiếp sức mùa thi môn Ngữ văn

***Tài liệu được biên soạn bởi Cô Thu Trang
Giáo viên trường THPT Tạ Uyên- Yên Mô- Ninh Bình***

Đoạn văn song hành (Không có câu chủ đề): Đây là đoạn văn có các câu triển khai nội dung song song nhau, không nội dung nào bao trùm lên nội dung nào. Mỗi câu trong đoạn văn nêu một khía cạnh của chủ đề đoạn văn, làm rõ cho nội dung đoạn văn.

VD:

Trong tập “Nhật kí trong tù”(Hồ Chí Minh), có những bài phác họa sơ sài mà chân thực đậm đà, càng tìm hiểu càng thú vị như đang chiêm ngưỡng một bức tranh cổ điển. Có những bài cảnh lòng lộng sinh động như những tấm thảm thêu nền gấm chỉ vàng. Cũng có những bài làm cho người đọc nghĩ tới những bức tranh sơn mài thâm trầm, sâu sắc.

(Lê Thị Tú An)

Đoạn văn móc xích: Đoạn văn có kết cấu móc xích là đoạn văn mà các ý gói đầu, đan xen nhau và thể hiện cụ thể bằng việc lặp lại một vài từ ngữ đã có ở câu trước vào câu sau. Đoạn móc xích có thể có hoặc không có câu chủ đề.

VD:

Độc thơ Nguyễn Trãi, nhiều người đọc khó mà biết có đúng là thơ Nguyễn Trãi không. Đúng là thơ Nguyễn Trãi rồi thì cũng không phải là dễ hiểu đúng. Lại có khi chữ hiểu đúng, câu hiểu đúng mà toàn bài không hiểu. Không hiểu vì không biết chắc bài thơ bài thơ được viết ra lúc nào trong cuộc đời nhiều nổi chìm của Nguyễn Trãi. Cũng một bài thơ nếu viết năm 1420 thì có một ý nghĩa, nếu viết năm 1430 thì nghĩa khác hẳn.

<http://thutrang.edu.vn>
Tiếp sức mùa thi môn Ngữ văn

Tài liệu được biên soạn bởi Cô Thu Trang
Giáo viên trường THPT Tạ Uyên- Yên Mô- Ninh Bình

(Hoài Thanh)

Đoạn văn so sánh: Đoạn văn so sánh có sự đối chiếu để thấy cái giống nhau hoặc khác nhau giữa các đối tượng, các vấn đề,...để từ đó thấy được chân lí của luận điểm hoặc làm nổi bật luận điểm trong đoạn văn. Có hai kiểu so sánh khi viết đoạn văn là: so sánh tương đồng và so sánh tương phản.

So sánh tương đồng: Đoạn văn có sự so sánh tương tự nhau dựa trên một ý tưởng.

VD:

Ngày trước ông cha ta có câu “Có công mài sắt có ngày nên kim”. Cụ Nguyễn Bá Học, một nho sĩ đầu thế kỉ XX cũng viết: “Đường đi không khó vì ngăn sông cách núi mà khó vì lòng người ngại núi e sông”. Sau này vào những năm bốn mươi giữa bóng tối ngục tù của Tưởng Giới Thạch, nhà thơ Hồ Chí Minh cũng đề cập tới tính kiên nhẫn, chấp nhận gian lao qua bài thơ “Nghe tiếng giã gạo”, trong đó có câu: “Gian nan rèn luyện mới thành công”. Câu thơ thể hiện phẩm chất tốt đẹp, ý chí của Hồ Chí Minh đồng thời còn là châm ngôn rèn luyện cho mỗi chúng ta.

(Lê Bá Hân)

So sánh tương phản: Đoạn văn có sự so sánh trái ngược nhau về nội dung, ý tưởng.

<http://thutrang.edu.vn>
Tiếp sức mùa thi môn Ngữ văn

Tài liệu được biên soạn bởi Cô Thu Trang
Giáo viên trường THPT Tạ Uyên- Yên Mô- Ninh Bình

VD:

Trong cuộc sống không thiếu những người cho rằng cần học tập để thành tài, có tri thức hơn người khác mà không hề nghĩ tới việc rèn luyện đạo đức, lễ nghĩa, vốn là giá trị cao quý nhất trong các giá trị của loài người. Những người luôn hợm mình, tự cao tự đại, nhiều khi trở thành những kẻ có hại cho xã hội. Đối với những người ấy, chúng ta cần giúp họ hiểu rõ lời dạy của người xưa: “Tiên học lễ, hậu học văn”

(Nguyễn Quang Ninh)

Đoạn văn có kết cấu đòn bẩy, bắc cầu: Đoạn văn kết cấu đòn bẩy, bắc cầu là đoạn văn mở đầu nêu một nhận định, dẫn một câu chuyện hoặc một đoạn thơ văn, những dẫn chứng gần giống hoặc trái với ý tưởng (Chủ đề của đoạn) tạo thành điểm tựa, làm cơ sở để phân tích sâu sắc ý tưởng đề ra.

VD:

“Quen biết khắp thiên hạ, hiểu được mình có mấy người”. Bình thường chúng ta hay than vãn không tìm được người bạn hiểu được mình. Quả đúng như vậy, tri âm khó tìm, cuộc đời có thể có được người hiểu mình, thì không còn gì đáng tiếc! Nhưng, kết bạn không chỉ là việc của riêng đơn phương một người, mà tâm ý của cả hai phải hiểu rõ nhau, nếu chỉ một phía có tâm, một bên vô tâm thì sẽ khó thành bạn bè được. Một bên nghèo hèn, một bên giàu có, tình bạn cũng có cơ hội trải nghiệm đói no. Kết giao bạn bè, có thể cùng chung hoạn nạn, sinh tử không sợ mới có thể thấy rõ chân tình, mới đáng để ca tụng.

Các hình thức, phương tiện ngôn ngữ khác:

– Từ láy, thành ngữ, từ Hán – Việt ...

– Diễn tích điển cố,...

<http://thutrang.edu.vn>

Tiếp sức mùa thi môn Ngữ văn

Tài liệu được biên soạn bởi Cô Thu Trang
Giáo viên trường THPT Tạ Uyên- Yên Mô- Ninh Bình

Ví dụ 1: “Bà lão cúi đầu nín lặng. Bà lão hiểu rồi. Lòng người mẹ nghèo khổ ấy còn hiểu ra biết bao nhiêu cơ sự, vừa ai oán vừa xót thương cho số kiếp đứa con mình. Chao ôi, người ta dựng vợ gả chồng cho con là lúc trong nhà ăn nên làm nổi, những mong sinh con để cái mở mặt sau này. Còn mình thì... Trong kẽ mắt kèm nhèm của bà rỉ xuống hai dòng nước mắt... Biết rằng chúng nó có nuôi nổi nhau sống qua được cơn đói khát này không?” (Trích **Vợ nhặt** – Kim Lân)

Chỉ ra những thành ngữ dân gian được sử dụng trong đoạn văn và nêu hiệu quả nghệ thuật của chúng.

. (Trả lời: – Các **thành ngữ dân gian** được sử dụng trong đoạn văn: *dựng vợ gả chồng, sinh con để cái, ăn nên làm nổi*. Hiệu quả nghệ thuật của việc sử dụng các thành ngữ: các thành ngữ dân gian quen thuộc trong lời ăn tiếng nói nhân dân được sử dụng một cách sáng tạo, qua đó lời kể của người kể hòa vào với dòng suy nghĩ của nhân vật bà cụ Tứ; suy nghĩ, cảm xúc của nhân vật trở nên thật gần gũi, được thể hiện rất tự nhiên; nỗi lòng, tâm trạng của người mẹ thương con thật được diễn tả thật chân thực).

Ví dụ 4: Cho đoạn văn sau:

“Trần trệ trên mặt bàn, chạm cả vào cành quất Lí cố tình để sát vào mâm cỗ cho bàn ăn thêm đẹp, thêm sang, là la liệt bát đĩa ngồn ngộn các món ăn. Ngoài các món thường thấy ở cỗ Tết như gà luộc, giò, chả, nem, măng hầm chân giò, miến nấu lòng gà, xúp lơ xào thịt bò... – **món nào cũng mang dấu ấn tài hoa của người chế biến** – là các món khác thường như gà quay ướp húng lìu, vịt tần hạt sen, chả chìa, mọc, vây...”

(Trích *Mùa lá rụng trong vườn* – Ma Văn Kháng)

- Đoạn văn sử dụng biện pháp nghệ thuật gì? Tác dụng của biện pháp nghệ thuật đó trong đoạn văn?

(Trả lời: – Trong đoạn văn, tác giả có sử dụng **biện pháp liệt kê**:

“...gà luộc, giò, chả, nem, măng hầm chân giò, miến nấu lòng gà, xúp lơ xào thịt bò...”

<http://thutrang.edu.vn>

Tiếp sức mùa thi môn Ngữ văn

Tài liệu được biên soạn bởi Cô Thu Trang
Giáo viên trường THPT Tạ Uyên- Yên Mô- Ninh Bình

-Tác dụng: Biện pháp liệt kê giúp cho nhà văn miêu tả sinh động
mâm cỗ Tết vốn *tràn trề, ngồn ngộn* những của ngon vật lạ)

Yêu cầu nhận diện các phương thức trần thuật

– **Lời trực tiếp:** Trần thuật từ ngôi thứ nhất do nhân vật tự kể chuyện (Tôi)

Ví dụ: “*Lão đàn ông lập tức trở nên hùng hổ, mặt đỏ gay, lão rút trong người ra một chiếc thắt lưng của lính ngự ngày xưa, có vẻ như những điều phải nói với nhau họ đã nói hết, chẳng nói chẳng rằng lão trút cơn giận như lửa cháy bằng cách dùng chiếc thắt lưng quật tới tấp vào lưng người đàn bà, lão vừa đánh vừa thở hồng hộc, hai hàm răng nghiến ken két, cứ mỗi nhát quất xuống lão lại nguyên rửa bằng cái giọng rên rỉ đau đớn : Mày chết đi cho ông nhờ. Chúng mày chết hết đi cho ông nhờ !*

– **Lời kể gián tiếp:** Trần thuật từ ngôi thứ ba – người kể chuyện giấu mặt.

Ví dụ: “*Một người tù cổ đeo gông, chân vướng xiềng, đang dậm tô nét chữ trên tấm lụa trắng tinh căng phẳng trên mảnh ván. Người tù viết xong một chữ, viên quản ngục lại vội khúm núm cất những đồng tiền kẽm đánh dấu ô chữ đặt trên phiến lụa óng. Và cái thầy thơ lại gầy gò, thì run run bưng chậu mực. Thay bút con, đề xong lạc khoản, ông Huân Cao thở dài, buồn bã đỡ viên quan ngục đứng thẳng người dậy và đỉnh đạc bảo:*

(Trích **Chữ người tử tù**–

Nguyễn Tuân)

–**Lời kể nửa trực tiếp:** Trần thuật từ ngôi thứ ba – người kể chuyện tự giấu mình nhưng điểm nhìn và lời kể lại theo giọng điệu của nhân vật trong tác phẩm.

Ví dụ: “*Một loạt đạn súng lớn văng vẳng dội đến ầm ỉ trên ngọn cây. Rồi loạt thứ hai...Viết góc dậy. Rõ ràng không phải tiếng pháo lệnh lừng của giặc. Đó là những tiếng nổ quen thuộc, gom vào một chỗ, lớn nhỏ không đều, chen vào đó là những dây súng nổ vô hồi vô tận.*

Yêu cầu nhận diện kiểu câu và nêu hiệu quả sử dụng

. Câu theo mục đích nói:

– Câu tường thuật (câu kể)

<http://thutrang.edu.vn>

Tiếp sức mùa thi môn Ngữ văn

Tài liệu được biên soạn bởi Cô Thu Trang
Giáo viên trường THPT Tạ Uyên- Yên Mô- Ninh Bình

- Câu cảm thán (câu cảm)
- Câu nghi vấn (câu hỏi)
- Câu khẳng định
- Câu phủ định.

Câu theo cấu trúc ngữ pháp

- Câu đơn
- Câu ghép/ Câu phức
- Câu đặc biệt.

Ví dụ 1: Sáng ngày 16/5, hơn 1.300 học sinh trường THPT Phan Huy Chú, Hà Nội tham gia buổi học ngoại khóa mang tên **Chủ quyền biển đảo, khát vọng hòa bình**. Buổi học được tổ chức với ý nghĩa thể hiện tình yêu đất nước, một lòng hướng về biển Đông.

Nhà trường cho rằng buổi ngoại khóa như thế này rất cần thiết, giúp nuôi dưỡng lòng tự hào dân tộc cho các em học sinh, đồng thời nâng cao hiểu biết về chủ quyền lãnh thổ và ý thức trách nhiệm của tuổi trẻ đối với quê hương, đất nước. Trong buổi ngoại khóa này, các học sinh trong trường đã xếp hình, tạo thành dải chữ S bản đồ đất nước Việt Nam cùng hai quần đảo Trường Sa và Hoàng Sa. Hoạt động xếp hình diễn ra khá sớm vào lúc 6h30 nhưng các học sinh tham gia đều rất hào hứng, sôi nổi. Vừa xếp hình, các học sinh trường Phan Huy Chú còn được nghe kể về chiến công của cha ông trong việc bảo vệ đất nước, được nâng cao và tự ý thức được trách nhiệm của bản thân đối với Tổ quốc. (Theo **Dân trí**)

Đọc đoạn trích trên và cho biết kiểu câu nổi bật nhất mà văn bản sử dụng là gì? Tác dụng của kiểu câu đó trong việc thể hiện nội dung văn bản?

(Trả lời: – Kiểu câu sử dụng nhiều nhất là câu tường thuật, câu phức.

– Tác dụng: Cung cấp cụ thể, đầy đủ và chính xác các thông tin hoạt động ngoại khóa của học sinh trường THPT Phan Huy Chú.)

Ví dụ 2: “Tại Thế vận hội đặc biệt Seatte [dành cho những người tàn tật] có chín vận động viên đều bị tổn thương về thể chất hoặc tinh thần, cùng tập trung trước vạch xuất phát để

<http://thutrang.edu.vn>

Tiếp sức mùa thi môn Ngữ văn

Tài liệu được biên soạn bởi Cô Thu Trang
Giáo viên trường THPT Tạ Uyên- Yên Mô- Ninh Bình

tham dự cuộc đua 100m. Khi súng hiệu nổ, tất cả đều lao đi với quyết tâm chiến thắng. Trừ một cậu bé. Cậu cứ bị vấp té liên tục trên đường đua. Và cậu bật khóc. Tám người kia nghe tiếng khóc, giảm tốc độ và ngoái lại nhìn. Rồi họ quay trở lại. Tất cả, không trừ một ai! Một cô gái bị hội chứng down dịu dàng cúi xuống hôn cậu bé: – Như thế này, em sẽ thấy tốt hơn. Cô gái nói xong, cả chín người cùng khoác tay nhau sánh bước về vạch đích. Khán giả trong sân vận động đồng loạt đứng dậy. Tiếng vỗ tay hoan hô vang dội nhiều phút liền. Mãi về sau, những người chứng kiến vẫn còn truyền tai nhau câu chuyện cảm động này”.

. Đọc đoạn văn bản trên và chỉ ra những câu đặc biệt được sử dụng trong văn bản trên. Nêu tác dụng của chúng.

(Trả lời: Các câu đặc biệt được sử dụng trong đoạn văn:

- Câu: “*Trừ một cậu bé*”. Hiệu quả biểu đạt: tạo sự chú ý về sự đặc biệt của một vận động viên so với đám đông trên đường đua.

-Câu: “*Tất cả không trừ một ai*”. Hiệu quả biểu đạt: Đặt trong mối liên hệ với câu trước đó, câu có tác dụng nhấn mạnh, gây sự chú ý sự đồng lòng thực hiện một hành động cao cả (vì người bị tổn thương về thể chất nặng hơn mình).

8. Yêu cầu xác định nội dung chính của văn bản/ Đặt nhan đề cho văn bản

Ví dụ 1: “*Trần trề trên mặt bàn, chạm cả vào cạnh quạt Lí có tình để sát vào mâm cỗ cho bàn ăn thêm đẹp, thêm sang, là la liệt bát đĩa ngồn ngộn các món ăn. Ngoài các món thường thấy ở cỗ Tết như gà luộc, giò, chả, nem, măng hầm chân giò, miến nấu lòng gà, xúp lơ xào thịt bò... – **món nào cũng mang dấu ấn tài hoa của người chế biến** – là các món khác thường như gà quay ướp húng lìu, vịt tần hạt sen, chả chìa, mọc, vây...”*

(Trích **Mùa lá rụng trong vườn** – Ma Văn Kháng)

- Đọc kĩ và xác định nội dung chính của đoạn trích trên? Hãy đặt nhan đề cho đoạn văn. (Trả lời: Đoạn văn miêu tả mâm cỗ Tết thịnh soạn do bàn tay tài hoa, chu đáo của cô Lí làm ra để thết đãi cả gia đình . Có thể đặt nhan đề là “*Mâm cỗ Tết*”.

<http://thutrang.edu.vn>

Tiếp sức mùa thi môn Ngữ văn

Tài liệu được biên soạn bởi Cô Thu Trang
Giáo viên trường THPT Tạ Uyên- Yên Mô- Ninh Bình

Ví dụ 2: Từ sau khi Việt Nam hội nhập quốc tế và phát triển kinh tế thị trường, tiềm lực khoa học và công nghệ (KH&CN) của đất nước tăng lên đáng kể. Đầu tư từ ngân sách cho KH&CN vẫn giữ mức 2% trong hơn 10 năm qua, nhưng giá trị tuyệt đối tăng lên rất nhanh, đến thời điểm này đã tương đương khoảng 1 tỷ USD/năm. Cơ sở vật chất cho KH&CN đã đạt được mức độ nhất định với hệ thống gần 600 viện nghiên cứu và trung tâm nghiên cứu của Nhà nước, hơn 1.000 tổ chức KH&CN của các thành phần kinh tế khác, 3 khu công nghệ cao quốc gia ở Hà Nội, TP Hồ Chí Minh và Đà Nẵng đã bắt đầu có sản phẩm đạt kết quả tốt. Việt Nam cũng có cơ sở hạ tầng thông tin tốt trong khu vực ASEAN (kết nối thông tin với mạng Á- Âu, mạng VinaREN thông qua TEIN2, TEIN4,... (Báo **Hà Nội mới**, ngày 16/5/2014- Mai Hà, Ánh Tuyết)

*Đọc đoạn văn trên và cho biết nội dung chính bàn về vấn đề gì? Đặt tên cho văn bản.

(Trả lời: – Nội dung chính của đoạn văn bàn về: Sự phát triển của KH&CN Việt Nam trong hoàn cảnh hội nhập, Có thể đặt tên cho đoạn văn là **Khoa học công nghệ của Việt Nam,....**)

Yêu cầu nhận diện các lỗi diễn đạt và chữa lại cho đúng

Lỗi diễn đạt (chính tả, dùng từ, ngữ pháp)

Lỗi lập luận (lỗi lô gic...)

Ví dụ: Đây là đoạn văn còn mắc nhiều lỗi dùng từ, chính tả, ngữ pháp, logic..., Anh/chị hãy chỉ ra những sai sót đó và chữa lại cho đúng.

“ Đọc Tắt đèn của Ngô Tất Tố, người đọc tiếp nhận với một không gian ngọt ngào, với nỗi khổ đè nặng trên đôi vai gầy yếu và nỗi đau xé lòng chị Dậu tưởng như đã thành nỗi đau tột cùng. Nhưng khi Chí Phèo với những tiếng chửi tục tũn cùng khuôn mặt đầy vết sẹo, với bước chân chệch choạc, ngật ngưỡng bước đi trên những dòng văn của Nam Cao, thấy rằng đó mới là kẻ khốn cùng ở nông dân Việt Nam ngày trước. Qua đó, Nam Cao không chỉ lột trần sự thật đau khổ của người nông dân mà còn nêu được một quy luật xuất hiện trong làng xã Việt Nam

<http://thutrang.edu.vn>

Tiếp sức mùa thi môn Ngữ văn

Tài liệu được biên soạn bởi Cô Thu Trang
Giáo viên trường THPT Tạ Uyên- Yên Mô- Ninh Bình

trước Cách mạng Tháng Tám: hiện tượng người nông dân bị đẩy vào con đường lưu manh hoá”

Yêu cầu nêu cảm nhận nội dung và cảm xúc thể hiện trong văn bản

– **Cảm nhận về nội dung phản ánh**

– **Cảm nhận về cảm xúc của tác giả**

Ví dụ: Đọc đoạn thơ sau trong bài Ngồi buồn nhớ mẹ ta xưa... của Nguyễn Duy và trả lời câu hỏi sau:

“(...) Mẹ ta không có yếm đào

nón mê thay nón quai thao đội đầu

rồi ren tay bí tay bầu

váy nhuộm bùn, áo nhuộm nâu bốn mùa”

Ở khổ thơ này, hình ảnh người mẹ hiện lên như thế nào? Cảm xúc của nhà thơ dành cho mẹ là gì?

(Trả lời: – Hình ảnh của người mẹ nghèo bình dị, lam lũ, quê mùa, tần tảo, vất vả, bươn chải giữa chốn trần gian được gọi qua trang phục, qua lam lũ nhọc nhằn lao động với bao lo toan vất vả.

– Cảm xúc của nhà thơ là nỗi buồn lắng thía về gia cảnh nghèo nàn của mẹ là tình yêu thương, trân trọng và niềm tự hào về mẹ).

Còn nữa nhé ! các em học sinh có thể truy cập website của cô để biết thêm chi tiết

<http://thutrang.edu.vn/>

Cô Thu Trang biên tập.

<http://thutrang.edu.vn>

Tiếp sức mùa thi môn Ngữ văn